

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: Kế toán- kiểm toán

Sinh viên : Quách Thị Đào

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Phạm Văn Tường

HẢI PHÒNG - 2013

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN
TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG
MẠI DỊCH VỤ ĐẠI DƯƠNG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: Kế toán – kiểm toán**

**Sinh viên : Quách Thị Đào
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Phạm Văn Tường**

HẢI PHÒNG - 2013

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

(Time New Roman, 23pt, Bold, chữ hoa)

Sinh viên: Quách Thị Đào Mã SV:1354010429

Lớp: QT1307K Ngành: Kế toán – kiểm toán

Tên đề tài: “ Hoàn thiện tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ Đại Dương.”

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp

(về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

.....

.....

.....

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 25 tháng 03 năm 2013

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 29 tháng 06 năm 2013

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2013

Hiệu trưởng

GS.TS.NGUYỄN Trần Hữu Nghị
PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....

.....

.....

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2013

Cán bộ hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

MỤC LỤC	1
LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG I: CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TRONG CÁC DOANH NGHIỆP	3
1.1 Tổng quan về vốn bằng tiền.....	3
1.1.1 Khái niệm vốn bằng tiền:	3
1.1.2. Đặc điểm vốn bằng tiền.....	3
1.1.3. Yêu cầu quản lý vốn bằng tiền.....	3
1.1.4. Vai trò của công tác kế toán vốn bằng tiền.....	4
1.1.5. Nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền.....	4
1.1.6. Nguyên tắc kế toán vốn bằng tiền.....	5
1.2 Phương pháp kế toán vốn bằng tiền.....	6
1.2.2. Kế toán tiền mặt tại quỹ	6
1.2.2.1. Nguyên tắc hạch toán tiền mặt tại quỹ.....	6
1.2.2.2. Tài khoản sử dụng.....	7
1.2.2.3. Chứng từ sử dụng để hạch toán tiền mặt.....	8
1.2.2.4. Sổ sách sử dụng để hạch toán tiền mặt	8
1.2.2.5. Kế toán chi tiết tiền mặt	9
1.2.3. Kế toán tiền gửi ngân hàng:	15
1.2.3.1. Nguyên tắc hạch toán tiền gửi Ngân hàng	16
1.2.3.2. Tài khoản sử dụng.....	17
1.2.3.3. Chứng từ sử dụng để hạch toán tiền gửi Ngân hàng.....	18
1.2.3.4. Sổ sách sử dụng để hạch toán tiền gửi Ngân hàng	18
1.2.3.5. Kế toán chi tiết tiền gửi Ngân hàng	18
1.2.4. Kế toán tiền đang chuyển.....	23
1.2.4.2. Tài khoản sử dụng:.....	23
1.2.4.3. Chứng từ sử dụng:.....	24
1.2.4.4. Sơ đồ kế toán tiền đang chuyển	24
1.2.5. Các hình thức ghi sổ kế toán vốn bằng tiền:.....	26

CHƯƠNG II: TỔ CHỨC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐẠI DƯƠNG	32
2.1 Giới thiệu chung về công ty TNHH thương mại dịch vụ Đại Dương	32
2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH thương mại dịch vụ Đại Dương	32
2.1.1.1 Ngành nghề kinh doanh:	33
2.1.1.2 Thuận lợi, khó khăn và kết quả kinh doanh công ty đạt được:	34
2.1.2 Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của công ty:	36
2.1.3 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty:	37
2.1.3.1 Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty	37
2.1.3.2 Hình thức kế toán và một số chế độ kế toán áp dụng tại công ty.	39
2.1.3.3 Các chính sách kế toán áp dụng tại công ty:	41
2.2 Tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH thương mại dịch vụ Đại Dương:	41
2.2.1 Kế toán tiền mặt tại quỹ của công ty	41
2.2.1.1 Chứng từ kế toán sử dụng:	42
2.2.1.2 Tài khoản và sổ sách sử dụng:	42
2.2.1.1 Kế toán tiền mặt tại quỹ:	44
2.2.2 Kế toán tiền gửi ngân hàng tại công ty	59
2.2.2.1 Kế toán tiền gửi Ngân hàng tại công ty:	62
2.2.3 Kế toán tiền đang chuyển tại công ty TNHH thương mại dịch vụ Đại Dương	71
CHƯƠNG III: MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM GÓP PHẦN HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐẠI DƯƠNG	72
3.1. Đánh giá chung về tình hình tổ chức quản lý, tổ chức kế toán tại công ty TNHH thương mại dịch vụ Đại Dương.	72
3.1.1 Ưu điểm về công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH thương mại dịch vụ Đại Dương.	72
3.2.2 Những hạn chế:	75
3.3 Một số ý kiến nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH thương mại dịch vụ Đại Dương.	76
KẾT LUẬN	87

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1 Kế toán tiền mặt(VND)	11
Sơ đồ 1.2. Kế toán tiền mặt (Ngoại tệ)	14
Sơ đồ 1.3 Kế toán tiền gửi ngân hàng (VND).....	20
Sơ đồ 1.4. Kế toán tiền gửi Ngân hàng (Ngoại tệ).....	22
Sơ đồ 1.6:Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán nhật ký - sổ cái	27
Sơ đồ 1.7:Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán nhật ký chung	28
Sơ đồ 1.8:Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán nhật ký- chứng từ .	29
Sơ đồ 1.9:Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.....	30
Sơ đồ 1.10:Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính ..	31
Sơ đồ 2.1 Tổ chức bộ máy quản lý tại công ty	36
Sơ đồ 2.2 Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty.....	38
Sơ đồ 2.3 Quy trình luân chuyển chứng từ	40
Sơ đồ 2.4:Quy trình luân chuyển chứng từ kế toán tiền mặt	
Sơ đồ 2.5:Quy trình luân chuyển chứng từ kế toán TGNH	61

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu số 2.1: Hóa đơn GTGT số 0000312	45
Biểu số 2.2: Phiếu thu 350	46
Biểu số 2.3: Hóa đơn GTGT số 0000318	47
Biểu số 2.4: Phiếu thu số 372.....	48
Biểu số 2.5: Hóa đơn GTGT số 321	49
Biểu số 2.6 Phiếu thu số 379	50
Biểu số 2.7: Hóa đơn GTGT số 004270	52
Biểu số 2.8 Phiếu chi số 311	53
Biểu số 2.9: Hóa đơn GTGT số 0251259	54
Biểu số 2.10: Phiếu chi số 342.....	55
Biểu số 2.11: Sổ quỹ tiền mặt	56
Biểu số 2.12: Sổ nhật ký chung.....	57
Biểu số 2.13: Sổ cái TK 111	58
Biểu số 2.14: Giấy báo nợ số 72	62
Biểu số 2.15: Ủy nhiệm chi số 80	63
Biểu số 2.16: giấy báo nợ số 67	64
Biểu số 2.17: Giấy báo có số 9029.....	65
Biểu số 2.18: Sổ nhật ký chung.....	66
Biểu số 2.19: Sổ cái TK 112	67
Biểu số 2.20: Sổ tiền gửi ngân hàng BIDV.....	68
Biểu số 2.21: Sổ tiền gửi ngân hàng ACB	69
Biểu số 2.22: Sổ tổng hợp chi tiết tiền gửi ngân hàng	70
Biểu số 3.1: Nhật ký thu tiền TK 111	78
Biểu số 3.2: Nhật ký chi tiền TK 111	79
Biểu số 3.3: Nhật ký thu tiền TK 112	80
Biểu số 3.4: Nhật ký chi tiền TK 112	81

LỜI MỞ ĐẦU

Vốn bằng tiền là cơ sở, là tiền đề đầu tiên cho một doanh nghiệp hình thành và tồn tại, là điều kiện cơ bản để doanh nghiệp hoàn thành cũng như thực hiện quá trình sản xuất kinh doanh của mình. Trong điều kiện hiện nay phạm vi hoạt động của doanh nghiệp không còn bị giới hạn ở trong nước mà đã được mở rộng, tăng cường hợp tác với nhiều nước trên thế giới. Do đó, quy mô và kết cấu của vốn bằng tiền rất lớn và phức tạp, việc sử dụng và quản lý chúng có ảnh hưởng lớn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Mặt khác, kế toán là công cụ để điều hành quản lý các hoạt động tính toán kinh tế và kiểm tra việc bảo vệ tài sản, sử dụng tiền vốn nhằm đảm bảo quyền chủ động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Trong công tác kế toán của doanh nghiệp chia ra làm nhiều khâu, nhiều phần hành nhưng giữa chúng có mối quan hệ hữu cơ gắn bó tạo thành một hệ thống quản lý thực sự có hiệu quả cao. Thông tin kế toán là những thông tin có tính hai mặt của mỗi hiện tượng, mỗi quá trình: Vốn và nguồn, tăng và giảm... Việc tổ chức hạch toán vốn bằng tiền là nhằm đưa ra những thông tin đầy đủ nhất, chính xác nhất về thực trạng và cơ cấu của vốn bằng tiền, về các nguồn thu và sự chi tiêu của chúng trong quá trình kinh doanh để nhà quản lý có thể nắm bắt được những thông tin kinh tế cần thiết, đưa ra những quyết định tối ưu nhất về đầu tư, chi tiêu trong tương lai như thế nào. Bên cạnh nhiệm vụ kiểm tra các chứng từ, sổ sách về tình hình lưu chuyển tiền tệ, qua đó chúng ta biết được hiệu quả của đơn vị mình.

Thực tế ở nước ta trong thời gian qua cho thấy ở các doanh nghiệp, hiệu quả sử dụng vốn đầu tư nói chung và vốn bằng tiền nói riêng còn rất thấp, chưa khai thác hết hiệu quả và tiềm năng sử dụng chúng trong nền kinh tế thị trường để phục vụ sản xuất kinh doanh, công tác hạch toán bị buông lỏng kéo dài.

Xuất phát từ những vấn đề trên và thông qua một thời gian thực tập em xin chọn đề tài sau để đi sâu vào nghiên cứu và viết báo cáo: “Hoàn thiện tổ

chức kế toán vốn bằng tiền tại Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ Đại Dương”.

Báo cáo gồm ba phần:

Chương I : Cơ sở lý luận của kế toán vốn bằng tiền trong các doanh nghiệp.

Chương II: Thực trạng tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ Đại Dương.

Chương III: Một số phương pháp góp phần hoàn thiện tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ Đại Dương.

Trong quá trình thực tập, em đã được sự hướng dẫn, giúp đỡ của các thầy cô bộ môn kế toán, các cô chú, anh chị phòng kế toán và đặc biệt là sự hướng dẫn tận tình của thầy giáo Ths.Phạm Văn Trường. Tuy nhiên, do vốn kiến thức còn hạn chế cùng với thời gian thực tế chưa nhiều nên bài khóa luận của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự góp ý của các thầy cô giáo để củng cố kiến thức của bản thân và bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin trân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày tháng năm

Sinh viên

Quách Thị Đào

CHƯƠNG I:
CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN
TRONG CÁC DOANH NGHIỆP

1.1 Tổng quan về vốn bằng tiền

1.1.1. Khái niệm vốn bằng tiền:

- Vốn bằng tiền là một bộ phận của tài sản ngắn hạn trong doanh nghiệp, tồn tại dưới hình thức tiền tệ. Theo địa điểm bảo quản, vốn bằng tiền bao gồm tất cả các loại tiền mặt tại quỹ doanh nghiệp, tiền đang gửi tại ngân hàng, các công ty tài chính và tiền đang chuyển kể cả tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc, đá quý.

1.1.2. Đặc điểm vốn bằng tiền

Trong quá trình sản xuất kinh doanh vốn bằng tiền vừa được sử dụng để đáp ứng nhu cầu về thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp hoặc mua sắm vật tư, hàng hoá sản xuất kinh doanh, vừa là kết quả của việc mua bán hoặc thu hồi các khoản nợ. Chính vì vậy, quy mô vốn bằng tiền là loại vốn đòi hỏi doanh nghiệp phải quản lý hết sức chặt chẽ vì vốn bằng tiền có tính luân chuyển cao nên nó là đối tượng của sự gian lận và ăn cắp. Vì thế trong quá trình hạch toán vốn bằng tiền, các thủ tục nhằm bảo vệ vốn bằng tiền khỏi sự ăn cắp hoặc lạm dụng là rất quan trọng, nó đòi hỏi việc sử dụng vốn bằng tiền cần phải tuân thủ các nguyên tắc chế độ quản lý tiền tệ thống nhất của Nhà nước. Chẳng hạn tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp dùng để chi tiêu hàng ngày không được vượt quá mức tồn quỹ mà doanh nghiệp và Ngân hàng đã thoả thuận theo hợp đồng thương mại, khi có tiền thu bán hàng phải nộp ngay cho Ngân hàng.

1.1.3. Yêu cầu quản lý vốn bằng tiền

Vốn bằng tiền là một loại tài sản đặc biệt, nó là vật ngang giá chung, vì trong quá trình quản lý rất dễ xảy ra tham ô, lãng phí. Do vậy, việc sử dụng vốn bằng tiền cần phải tuân thủ các nguyên tắc, chế độ quản lý chặt chẽ đảm bảo các yêu cầu sau:

- Mọi biến động của vốn bằng tiền phải làm đầy đủ thủ tục và phải có chứng từ gốc hợp lệ.

- Việc sử dụng chi tiêu vốn bằng tiền phải đúng mục đích, đúng chế độ.

1.1.4. Vai trò của công tác kế toán vốn bằng tiền

Vốn bằng tiền có một vai trò rất quan trọng, nó quyết định sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Vốn bằng tiền được sử dụng trong việc mua sắm hàng hóa hoặc thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp. Thiếu vốn là một trong những khó khăn, trở ngại đến sự phát triển của doanh nghiệp.

Trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, việc quản lý và sử dụng vốn là một khâu quan trọng có tính quyết định tới mức độ tăng trưởng hay suy thoái của doanh nghiệp. Vì vậy việc quản lý chặt chẽ, thường xuyên kiểm tra kiểm soát các khoản thu chi bằng tiền là rất cần thiết. Với chức năng ghi chép, tính toán, phản ánh giám sát thường xuyên liên tục sự biến động của vật tư, tiền vốn, bằng các thước đo giá trị và hiện vật, kế toán cung cấp các tài liệu cần thiết về thu chi vốn bằng tiền đáp ứng yêu cầu quản lý trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Kế toán cung cấp các thông tin tài chính giúp cho giám đốc và những người quản lý doanh nghiệp nắm vững tình hình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như việc sử dụng vốn để từ đó thấy được mặt mạnh để phát huy và mặt yếu để đề ra những biện pháp khắc phục.

1.1.5. Nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền

Bên cạnh những vai trò nêu trên kế toán vốn bằng tiền có những nhiệm vụ sau:

- Theo dõi tình hình thu, chi, tăng, giảm, thừa, thiếu và số hiện có của từng loại vốn bằng tiền. Hướng dẫn và kiểm tra việc ghi chép của thủ quỹ, thường xuyên kiểm tra đối chiếu số liệu của thủ quỹ và kế toán tiền mặt nhằm đảm bảo an toàn cho tiền tệ.

- Giám sát thường xuyên thực hiện chế độ quản lý tiền mặt, kỷ luật thanh toán, kỷ luật tín dụng đảm bảo chi tiêu tiết kiệm có hiệu quả. Qua đó, phát hiện, ngăn chặn các hành vi tham ô, lãng phí tiền và hành vi vi phạm chế độ kế toán tài chính. Vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách và báo

cáo kế toán phù hợp với yêu cầu và trình độ quản lý của đơn vị nhằm phục vụ cho việc thu nhận, xử lý, hệ thống hóa vốn bằng tiền tại đơn vị.

1.1.6. Nguyên tắc kế toán vốn bằng tiền

Kế toán vốn bằng tiền phải tôn trọng đầy đủ các quy tắc, các chế độ quản lý và lưu thông tiền tệ hiện hành. Cụ thể:

1) Hạch toán vốn bằng tiền phải sử dụng một đơn vị tiền tệ thống nhất đó là đồng Việt Nam, trừ trường hợp được phép sử dụng một đơn vị tiền tệ thông dụng.

2) Ở những doanh nghiệp có ngoại tệ nhập quỹ tiền mặt hoặc gửi vào ngân hàng phải quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch (tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên Ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh) để ghi sổ kế toán.

Trường hợp mua ngoại tệ về nhập quỹ tiền mặt, gửi vào Ngân hàng hoặc thanh toán công nợ ngoại tệ bằng đồng Việt Nam thì được quy đổi ra đồng Việt Nam theo giá mua hoặc tỷ giá thanh toán. Bên có các TK 1112, TK 1122 được quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá trên sổ sách TK 1112, hoặc TK 1122 theo một trong các phương pháp: bình quân gia quyền, nhập trước xuất trước, nhập sau xuất trước, thực tế đích danh.

Nhóm tài khoản có nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đồng Việt Nam, đồng thời phải hạch toán chi tiết ngoại tệ theo nguyên tệ. Nếu có chênh lệch tỷ giá hối đoái thì phản ánh số chênh lệch này trên các tài khoản doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính (nếu phát sinh trong giai đoạn sản xuất kinh doanh kể cả doanh nghiệp sản xuất kinh doanh có hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản) hoặc phản ánh vào TK 413 (nếu phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản giai đoạn trước hoạt động). Số dư cuối kỳ các tài khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ phải được đánh giá theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên Ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

3) Đối với vàng bạc, kim khí quý, đá quý phải theo dõi số lượng, trọng lượng, quy cách phẩm chất của từng thứ từng loại. Giá trị vàng bạc, kim khí quý, đá quý được tính theo giá thực tế (giá hóa đơn hoặc giá được thanh toán), khi tính giá xuất vàng, bạc, kim khí quý, đá quý có thể áp dụng một trong bốn phương pháp tính giá hàng tồn kho.

Nếu thực hiện đúng các nhiệm vụ và nguyên tắc trên thì hạch toán vốn bằng tiền sẽ giúp cho doanh nghiệp quản lý tốt vốn bằng tiền, chủ động trong việc thực hiện kế hoạch thu chi và sử dụng vốn có hiệu quả cao.

1.2 Phương pháp kế toán vốn bằng tiền

1.2.2. Kế toán tiền mặt tại quỹ

Tiền mặt tại quỹ là lượng tiền để phục vụ cho nhu cầu chi tiêu trực tiếp hàng ngày trong sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Do thủ quỹ chịu trách nhiệm giữ gìn, bảo quản trong két sắt an toàn của công ty, khi tiến hành nhập quỹ tiền mặt hay xuất quỹ tiền mặt phải có phiếu thu, phiếu chi và có đầy đủ chữ ký của người nhận, người giao, người cho phép xuất. Tiền giữ tại doanh nghiệp bao gồm: Giấy bạc ngân hàng Việt Nam, ngân phiếu, các loại ngoại tệ, vàng bạc, kim loại quý, đá quý.

1.2.2.1. Nguyên tắc hạch toán tiền mặt tại quỹ

Khi hạch toán tài khoản này cần tôn trọng một số quy định sau:

(1) Chỉ phản ánh vào TK 111 “Tiền mặt” số tiền mặt, ngoại tệ thực tế nhập, xuất quỹ tiền mặt. Đối với khoản tiền thu được chuyển nộp ngay vào ngân hàng (không qua quỹ tiền mặt của đơn vị) thì không ghi vào bên nợ TK 111 “Tiền mặt” mà ghi vào bên nợ TK 113 “Tiền đang chuyển”.

(2) Các khoản tiền do doanh nghiệp, cá nhân khác ký cược, ký quỹ tại doanh nghiệp được quản lý và hạch toán như các loại tài sản bằng tiền của doanh nghiệp.

(3) Khi tiến hành nhập, xuất quỹ tiền mặt phải có phiếu thu, phiếu chi và có đủ chữ ký của người nhận, người giao, người cho phép nhập xuất quỹ theo quy định của chế độ chứng từ kế toán. Một số trường hợp đặc biệt phải có lệnh nhập quỹ, xuất quỹ đính kèm.

(4) Kế toán quỹ tiền mặt phải có trách nhiệm mở sổ kế toán quỹ tiền mặt, ghi chép hàng ngày liên tục theo trình tự phát sinh các khoản thu, chi, xuất quỹ tiền mặt ngoại tệ và tính ra số tồn quỹ tại mọi thời điểm.

(5) Thủ quỹ chịu trách nhiệm quản lý và nhập, xuất quỹ tiền mặt. Hàng ngày, thủ quỹ phải kiểm kê số tồn quỹ tiền mặt thực tế, đối chiếu số liệu sổ quỹ tiền mặt và sổ kế toán tiền mặt. Nếu có chênh lệch, kế toán và thủ quỹ phải kiểm tra lại để xác định nguyên nhân và kiến nghị biện pháp xử lý chênh lệch.

(6) Ở những doanh nghiệp có ngoại tệ nhập quỹ tiền mặt, gửi vào ngân hàng hoặc thanh toán công nợ ngoại tệ bằng đồng Việt Nam thì ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá mua hoặc tỷ giá thanh toán. Bên có các TK 1112, TK 1122 được quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá trên sổ kế toán TK 1112 hoặc TK 1122 theo một trong các phương pháp: Bình quân gia quyền, nhập trước - xuất trước, nhập sau - xuất trước, giá thực tế đích danh (như một loại hàng hoá đặc biệt).

(7) Đối với vàng, bạc, kim khí quý, đá quý phản ánh ở tài khoản tiền mặt chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp không đăng ký kinh doanh vàng, bạc, kim khí quý, đá quý nhập quỹ tiền mặt thì việc xuất, nhập được hạch toán như các loại hàng tồn kho (nhập trước - xuất trước, nhập sau - xuất trước, giá bình quân gia quyền hay giá thực tế từng lần nhập), khi sử dụng để thanh toán chi trả được hạch toán ngoại tệ.

1.2.2.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản để hạch toán tiền mặt tại quỹ là TK 111 – Tiền mặt, có 3 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 1111 – Tiền Việt Nam: Phản ánh tình hình thu, chi, tồn quỹ tiền Việt Nam tại quỹ tiền mặt.

- Tài khoản 1112 – Ngoại tệ: Phản ánh tình hình thu, chi, tăng, giảm tỷ giá và tồn quỹ ngoại tệ tại quỹ tiền mặt theo giá trị quy đổi ra Đồng Việt Nam.

- Tài khoản 1113 – Vàng, bạc, kim loại quý, đá quý: Phản ánh giá trị vàng, bạc, kim loại quý, đá quý nhập, xuất, tồn quỹ.

Bên nợ:

- Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý nhập quỹ.
- Số tiền mặt, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý thừa do phát hiện khi kiểm kê quỹ.
- Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ (Đối với tiền mặt ngoại tệ).

Bên có:

- Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý xuất quỹ.
- Số tiền mặt, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý phát hiện thiếu khi kiểm kê quỹ.
- Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ (Đối với tiền mặt ngoại tệ).

Số dư bên nợ:

- Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý còn tồn quỹ tiền mặt.

1.2.2.3. Chứng từ sử dụng để hạch toán tiền mặt

- Phiếu chi
- Phiếu thu
- Giấy đề nghị tạm ứng
- Giấy thanh toán tiền tạm ứng
- Giấy đề nghị thanh toán
- Biên lai thu tiền
- Hóa đơn GTGT
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.2.4. Sổ sách sử dụng để hạch toán tiền mặt

- Sổ nhật ký chung
- Sổ quỹ tiền mặt
- Sổ kế toán chi tiết quỹ tiền mặt
- Sổ cái TK111
- Các sổ sách có liên quan đến kế toán tiền mặt

1.2.2.5. Kế toán chi tiết tiền mặt

a, Đối với tiền mặt là tiền Việt Nam

Tài khoản sử dụng : TK 1111 – Tiền Việt Nam

Chứng từ để hạch toán kế toán tiền mặt là tiền Việt Nam là phiếu thu, phiếu chi. Ngoài phiếu thu, phiếu chi là căn cứ chính để hạch toán vào tài khoản 1111 còn có các chứng từ gốc khác có liên quan kèm vào phiếu chi, phiếu thu như giấy đề nghị tạm ứng, giấy thanh toán tiền tạm ứng, giấy đề nghị thanh toán, hóa đơn bán hàng, biên lai thu tiền, các hợp đồng.... Chứng từ sau khi đã kiểm tra tính hợp lệ được kế toán phản ánh và ghi chép vào các sổ sách có liên quan.

Khi phát sinh nghiệp vụ thu, chi tiền mặt kế toán sẽ lập phiếu thu (phiếu chi) trình giám đốc, kế toán trưởng duyệt rồi chuyển cho thủ quỹ thu tiền, sau đó kế toán phân hành sẽ tiến hành định khoản và cập nhật số liệu vào sổ quỹ tiền mặt, sổ cái và các sổ liên quan. Cuối kỳ kế toán đối chiếu số liệu để lên bảng cân đối và báo cáo kế toán khác. Việc thu chi tiền mặt tại quỹ phải có lệnh thu chi: Lệnh thu, chi này phải có chữ ký của giám đốc và kế toán trưởng. Trên cơ sở các lệnh thu, chi kế toán tiến hành lập các phiếu thu, phiếu chi.

- Thủ tục thu:

+ Phiếu thu được đóng thành quyển và được đánh số theo thứ tự từ 1 đến n trang trong một năm.

+ Số phiếu thu cũng được đánh thứ tự từ 1 đến n và mang tính nối tiếp từ quyển này sang quyển khác.

+ Mỗi lần lập phiếu thu, kế toán dùng giấy than viết 3 liên (đặt giấy than lên viết 1 lần) và phải ghi tương đối đầy đủ các yếu tố trong phiếu thu. Phiếu thu lập xong phải lưu lại cuống 1 liên, 1 liên giao cho người nộp, 1 liên giao cho thủ quỹ giữ lại để làm thủ tục nhập quỹ, ghi sổ quỹ sau đó định kỳ chuyển cho kế toán có liên quan.

- Thủ tục chi:

+ Phiếu chi được lập thành quyển và được đánh số thứ tự từ 1 đến n trong cả năm .

+ Số của phiếu chi cũng được đánh liên tục từ 1 đến n và mang tính nối tiếp từ quyển này sang quyển khác .

+ Khi lập phiếu chi chỉ cần lập 2 liên. Liên 1 lưu lại nơi lập phiếu, liên 2 đưa thủ quỹ để chi tiền và không giao cho người nhận 1 liên phiếu chi nào hết.

Thủ quỹ sẽ căn cứ vào phiếu chi để chi tiền sau khi đã có đầy đủ chữ ký của kế toán trưởng và giám đốc công ty. Người nhận tiền sau khi đã nhận đủ số tiền phải ký và ghi rõ họ tên vào phiếu chi. Căn cứ vào số tiền thực chi thủ quỹ ghi vào sổ quỹ cuối ngày chuyển cho kế toán tiền mặt để ghi sổ. Thủ quỹ không được nhờ người khác làm thay, trong trường hợp cần thiết phải làm thủ tục ủy quyền cho người khác làm thay và được sự đồng ý bằng văn bản của giám đốc công ty.

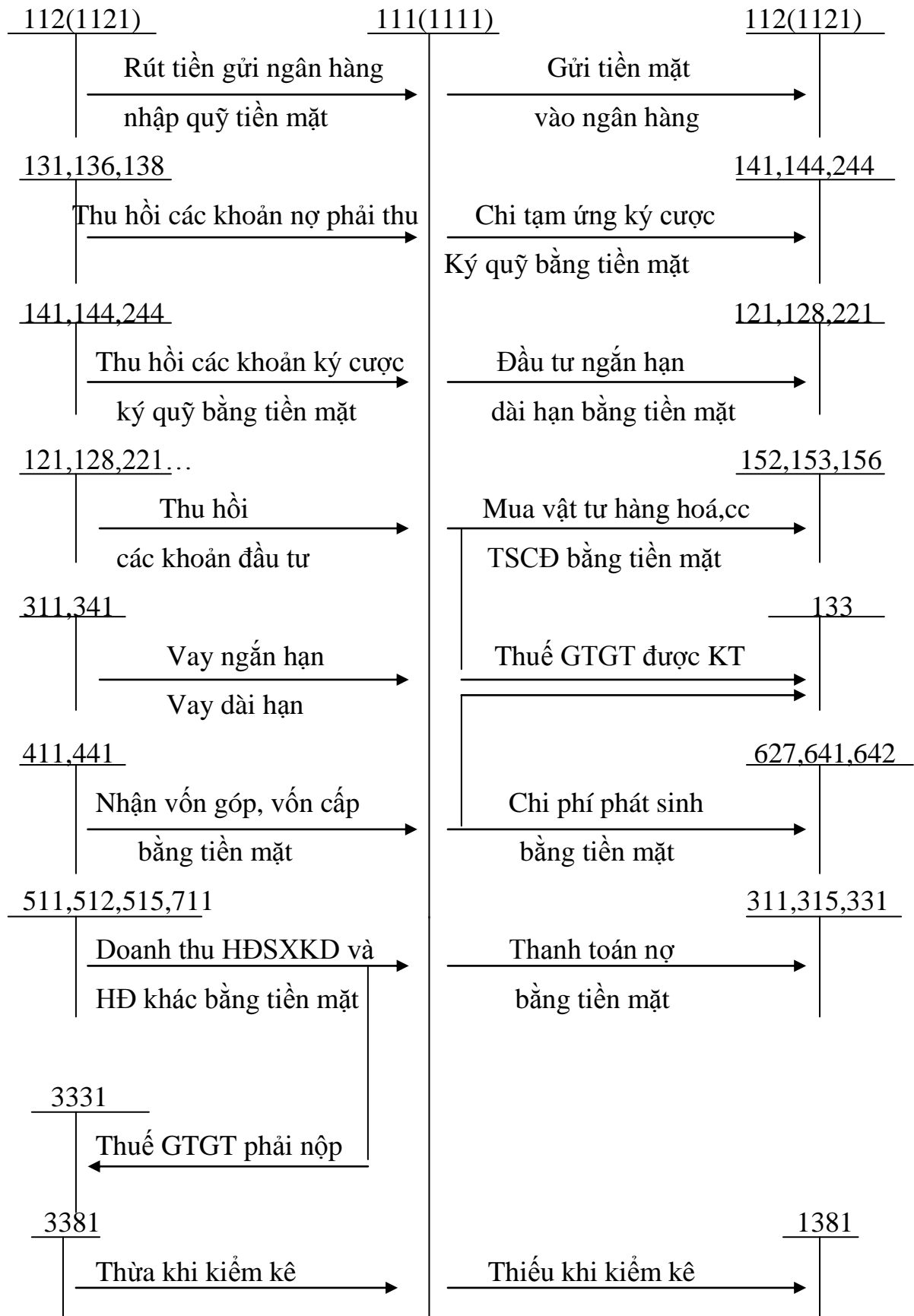
Những trường hợp phải chi các khoản không có hóa đơn tài chính như chi hoa hồng, thuê cá nhân ...thì người được giao nhiệm vụ chi tiêu phải lập báo cáo về số tiền chi có xác nhận của trưởng đơn vị trực tiếp quản lý và được giám đốc duyệt chi.

Với những nghiệp vụ chi tiền tạm ứng thì các cá nhân có nhu cầu tạm ứng phải viết giấy đề nghị tạm ứng rồi gửi lên phòng kế toán - tài chính của công ty. Sau khi được sự đồng ý tạm ứng của giám đốc và kế toán trưởng thì kế toán tiến hành lập phiếu chi và thủ quỹ căn cứ vào phiếu chi đó chi tiền cho người đề nghị tạm ứng.

Trường hợp phiếu thu, phiếu chi gửi ra ngoài doanh nghiệp, liên gửi ra ngoài doanh nghiệp phải được đóng dấu. Phiếu thu, phiếu chi được đóng thành từng quyển và phải ghi số từng quyển dùng trong 1 năm. Trong mỗi phiếu thu, phiếu chi, số của từng phiếu thu, phiếu chi phải đánh liên tục trong một kỳ kế toán.

Kế toán tiền mặt sau khi nhận được phiếu thu, phiếu chi kèm theo chứng từ gốc do thủ quỹ chuyển đến phải kiểm tra chứng từ và cách ghi chép trên các chứng từ để tiến hành định khoản. Sau đó mới ghi vào sổ kế toán chi tiết quỹ tiền mặt theo trình tự phát sinh của các khoản thu, chi (nhập, xuất) tiền mặt tính ra số tiền quỹ vào cuối ngày.

Kế toán tổng hợp thu chi tiền mặt bằng tiền Việt Nam được thể hiện qua sơ đồ sau (sơ đồ 1.1):



Sơ đồ 1.1 Kế toán tiền mặt(VND)

b, Đối với tiền mặt là ngoại tệ

Đối với tài khoản thuộc loại chi phí, thu nhập, vật tư, hàng hóa, tài sản cố định... dù doanh nghiệp có hay không sử dụng tỷ giá hạch toán, khi có phát sinh các nghiệp vụ bằng ngoại tệ đều phải luôn luôn ghi sổ bằng đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.

Ở những doanh nghiệp có ngoại tệ nhập quỹ tiền mặt phải quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế để ghi sổ kế toán.

Các doanh nghiệp có ít nghiệp vụ bằng ngoại tệ thì các tài khoản tiền, các tài khoản phải thu, phải trả được ghi sổ bằng đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của ngân hàng Việt Nam công bố tại thời điểm nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản chênh lệch tỷ giá (nếu có) của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được hạch toán vào TK 413 – Chênh lệch tỷ giá.

Các doanh nghiệp có nhiều nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ có thể sử dụng tỷ giá hạch toán để ghi sổ các tài khoản tiền, phải thu, phải trả. Số chênh lệch giữa tỷ giá hạch toán và tỷ giá mua của Ngân hàng tại thời điểm nghiệp vụ kinh tế phát sinh được hạch toán vào tài khoản 413.

Bên Có TK 1112 được quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá trên sổ kế toán TK 1112 theo một trong các phương pháp: Bình quân gia quyền. Nhập trước xuất trước, Nhập sau xuất trước, Giá thực tế đích danh (như một loại hàng hóa đặc biệt).

Tiền mặt bằng ngoại tệ ngoài việc quy đổi ra đồng Việt Nam, kế toán còn phải theo dõi chi tiết theo từng loại nguyên tệ TK 007 “ngoại tệ các loại” (TK ngoài bảng cân đối kế toán).

➤ Kết cấu tài khoản 007- Ngoại tệ các loại

Bên Nợ : Số ngoại tệ thu vào (Nguyên tệ)

Bên Có : Số ngoại tệ xuất ra (Nguyên tệ).

Số dư bên nợ : Số ngoại tệ còn lại tại doanh nghiệp (Nguyên tệ).

➤ Kết cấu tài khoản 413 – Chênh lệch tỷ giá.

Bên Nợ:

- + Chênh lệch tỷ giá hối đoái tiền, vật tư, hàng hóa, nợ phải thu có gốc ngoại tệ.
- + Chênh lệch tỷ giá phát sinh tăng của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ.
- + Xử lý chênh lệch tỷ giá.

Bên Có:

- + Chênh lệch tỷ giá phát sinh tăng của vốn bằng tiền, vật tư, hàng hóa và nợ phải thu có gốc ngoại tệ.
- + Chênh lệch tỷ giá phát sinh giảm của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ.
- + Xử lý chênh lệch tỷ giá. Tài khoản này cuối kỳ có thể dư có hoặc dư nợ.

Dư Nợ : Chênh lệch tỷ giá cần phải được xử lý

Dư Có : Chênh lệch tỷ giá còn lại.

➤ Hạch toán thu đối với ngoại tệ:

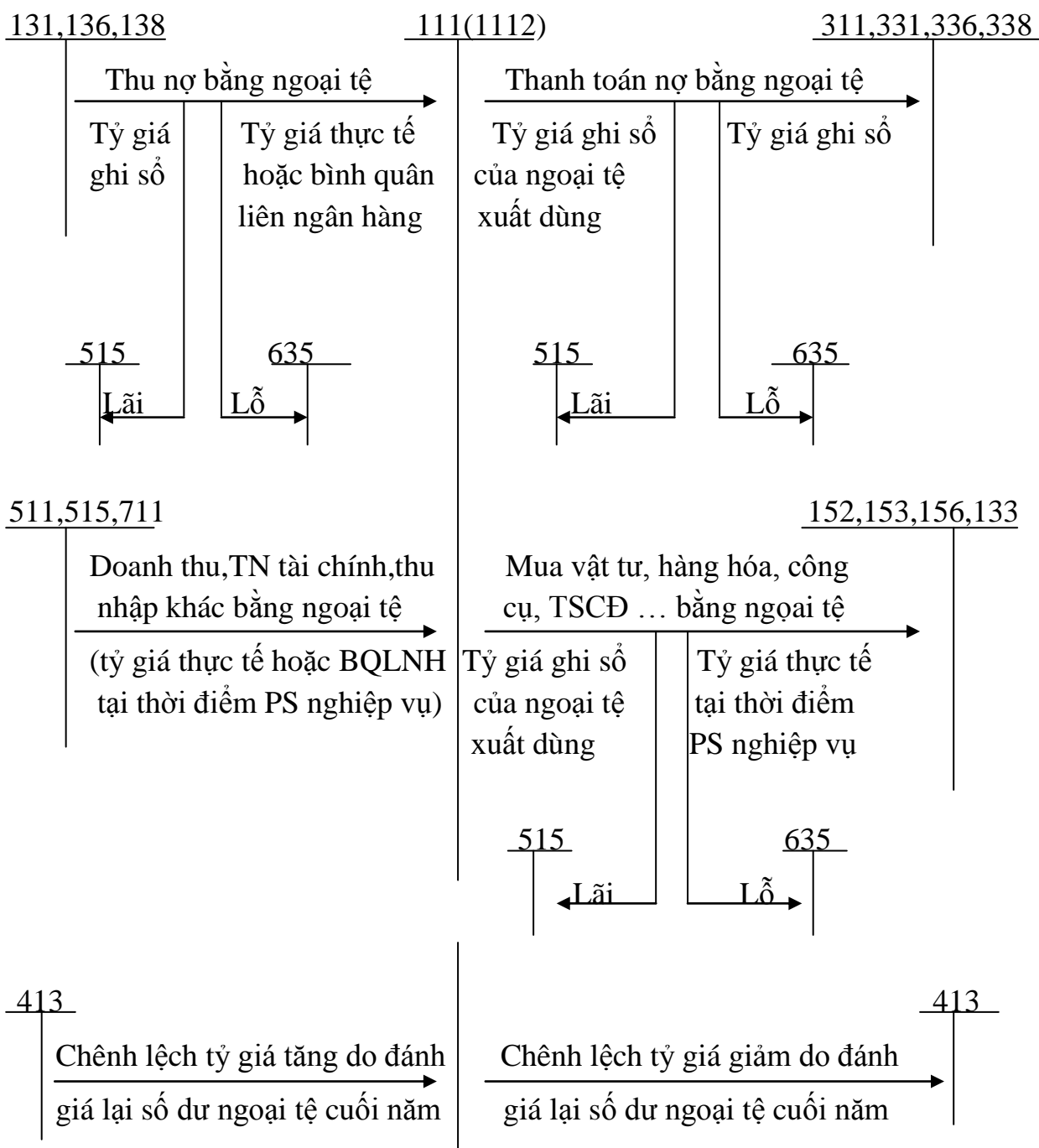
Nhập quỹ tiền mặt bằng ngoại tệ, kế toán căn cứ vào tỷ giá giao dịch của nghiệp vụ kinh tế phát sinh, hoặc tỷ giá mua bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế để quy đổi sang Đồng Việt Nam.

➤ Hạch toán chi đối với ngoại tệ:

Xuất quỹ tiền mặt bằng ngoại tệ để thanh toán, chi trả cho các hoạt động sản xuất kinh doanh. Nếu có chênh lệch giữa tỷ giá thực tế thu ngoại tệ trong kỳ và tỷ giá ngày phát sinh nghiệp vụ chi ngoại tệ thì phản ánh số chênh lệch này trên tài khoản 515 – Doanh thu tài chính (nếu lãi tỷ giá hối đoái) hoặc tài khoản 635 – Chi phí tài chính (nếu lỗ tỷ giá hối đoái).

Thời điểm cuối năm tài chính, doanh nghiệp phải đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ chính thức sử dụng trong kế toán) theo tỷ giá hối đoái bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm cuối năm tài chính, có thể phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái (lãi hoặc lỗ). Doanh nghiệp phải chi tiết khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ này của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản giai đoạn trước hoạt động (TK 4132) và của hoạt động sản xuất kinh doanh (TK 4131).

Kế toán tổng hợp thu chi tiền mặt bằng ngoại tệ được thể hiện qua sơ đồ sau (sơ đồ 1.2)



Tất cả các nghiệp vụ đề phải đồng thời ghi đơn TK 007 – Ngoại tệ các loại

TK007

Thu nợ bằng ngoại tệ
- Doanh thu, TN tài chính,
TN khác bằng ngoại tệ

Thanh toán nợ bằng ngoại tệ
- Mua vật tư, hàng hóa, công
cụ, TSCĐ... bằng ngoại tệ

Sơ đồ 1.2. Kế toán tiền mặt (Ngoại tệ)

c, Đối với tiền mặt là vàng bạc, kim loại quý, đá quý.

Ở những doanh nghiệp có vàng, bạc, kim loại quý, đá quý nhập quỹ tiền mặt thì việc nhập, xuất được hạch toán như các loại hàng tồn kho, khi sử dụng để thanh toán chi trả được hạch toán như ngoại tệ. Các loại vàng, bạc, đá quý được ghi sổ theo giá thực tế, khi xuất có thể sử dụng một trong các phương pháp tính giá thực tế như: Phương pháp giá đơn vị bình quân, nhập trước xuất trước, nhập sau xuất trước, tính giá đích danh.

Vàng, bạc, kim loại quý, đá quý phản ánh ở tài khoản tiền mặt chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp không đăng ký kinh doanh vàng, bạc, kim loại quý, đá quý. Khi có nghiệp vụ phát sinh liên quan đến các tài sản này thì phản ánh vào TK 111 (1113). Do vàng, bạc, kim loại quý, đá quý giá trị cao nên khi mua cần có đầy đủ các thông tin như: Ngày mua, mẫu mã, độ tuổi, giá thanh toán...

1.2.3. Kế toán tiền gửi ngân hàng:

Tiền gửi ngân hàng là một bộ phận của vốn bằng tiền mà công ty ký gửi tại ngân hàng. Công ty phải gửi tất cả vốn bằng tiền vào ngân hàng ngoài số tiền để lại công ty việc rút gửi hoặc trích để chi trả bằng tiền gửi ngân hàng thì phải có chứng từ nộp lĩnh hoặc có chứng từ thanh toán thích hợp. Với các thể thức thanh toán và phương thức thanh toán không dùng tiền mặt được phản ánh vào TK 112.

Đối với những công ty có những tổ chức, bộ phận trực thuộc có thể mở tài khoản chuyên thu, chuyên chi, mở tài khoản thanh toán phù hợp để thuận lợi cho việc giao dịch, thanh toán. Kế toán phải tổ chức kế toán chi tiết theo từng loại tiền gửi, từng ngân hàng kho bạc, công ty tài chính để tiện cho việc kiểm tra đối chiếu.

Trong quá trình kinh doanh công ty gửi tiền vào ngân hàng để thực hiện các nghiệp vụ thanh toán. Khi cần chi tiêu công ty phải làm thủ tục rút tiền hoặc chuyển tiền. Việc hạch toán TGNH được công ty mở sổ theo dõi chi tiết từng loại tiền gửi.

Các khoản tiền của doanh nghiệp tại Ngân hàng bao gồm: Tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng, bạc, kim loại quý, đá quý, trên các tài khoản tiền gửi

chính, tiền gửi chuyên dùng cho các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt như tiền lưu ký, séc bảo chi, séc định mức, séc chuyển tiền, thư tín dụng. Việc thanh toán giữa doanh nghiệp với các cơ quan, tổ chức kinh tế khác được thực hiện chủ yếu qua Ngân hàng, đảm bảo cho việc thanh toán vừa thuận tiện, nhanh chóng vừa lại đảm bảo an toàn. Để chấp hành tốt kỷ luật thanh toán đòi hỏi doanh nghiệp phải theo dõi chặt chẽ tình hình biến động và số dư của từng loại tiền gửi.

1.2.3.1. Nguyên tắc hạch toán tiền gửi Ngân hàng

(1) Căn cứ để hạch toán trên TK 112 - Tiền gửi ngân hàng là các giấy báo có, báo nợ và bản sao kê của ngân hàng kèm theo các chứng từ gốc (ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi, séc chuyển khoản, séc bảo chi...)

(2) Khi nhận được chứng từ của ngân hàng gửi đến, kế toán phải kiểm tra, đối chiếu với chứng từ gốc kèm theo. Nếu có sự chênh lệch giữa số liệu trên sổ kế toán của đơn vị, số liệu ở chứng từ gốc với số liệu trên chứng từ của ngân hàng thì đơn vị phải thông báo cho ngân hàng để cùng đối chiếu, xác minh và xử lý kịp thời. Cuối tháng, chưa xác định được nguyên nhân chênh lệch thì kế toán ghi sổ theo số liệu của ngân hàng trên giấy báo nợ, báo có của bản sao kê. Số chênh lệch (nếu có) ghi vào bên nợ TK 138 “Phải thu khác” (1388) (Nếu số liệu của kế toán nhiều hơn số liệu của ngân hàng) hoặc ghi vào bên có TK 338 “Phải trả, phải nộp khác” (3388) (Nếu số liệu của kế toán thấp hơn số liệu của ngân hàng). Sang tháng sau, tiếp tục kiểm tra, đối chiếu xác định nguyên nhân để điều chỉnh số liệu ghi sổ.

(3) Ở những đơn vị có các tổ chức, bộ phận phụ thuộc không tổ chức kế toán riêng, có thể mở tài khoản chuyển thu, chuyển chi hoặc tài khoản thanh toán phù hợp để thuận tiện cho việc giao dịch, thanh toán. Kế toán phải mở sổ chi tiết theo từng loại tiền gửi (đồng Việt Nam, Ngoại tệ các loại).

(4) Phải tổ chức hạch toán chi tiết sổ tiền gửi theo từng tài khoản ở ngân hàng để tiện cho việc kiểm tra, đối chiếu.

(5) Trường hợp gửi tiền vào ngân hàng bằng ngoại tệ thì phải được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá giao dịch bình

quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh (Sau đây gọi tắt là tỷ giá giao dịch BQLNH). Trường hợp mua ngoại tệ gửi vào ngân hàng được phản ánh theo tỷ giá mua thực tế phải trả.

Trường hợp rút tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ thì được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá đang phản ánh trên sổ kế toán TK1122 theo một trong các phương pháp: Bình quân gia quyền; nhập trước - xuất trước; nhập sau - xuất trước; giá thực tế đích danh.

(6) Trong giai đoạn sản xuất, kinh doanh (kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản của doanh nghiệp sản xuất kinh doanh vừa có hoạt động xây dựng cơ bản) các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến tiền gửi ngoại tệ nếu có phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái thì các khoản chênh lệch này được hạch toán vào bên có TK 515 “doanh thu hoạt động tài chính” (Lãi tỷ giá) hoặc vào bên nợ TK 635 “chi phí hoạt động tài chính” (Lỗ tỷ giá).

(7) Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản (giai đoạn trước hoạt động) nếu có phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái thì các khoản chênh lệch tỷ giá liên quan đến tiền gửi ngoại tệ được hạch toán vào TK 413 “chênh lệch tỷ giá hối đoái” (4132).

1.2.3.2. Tài khoản sử dụng

TK 112 - Tiền gửi ngân hàng, có 3 TK cấp 2:

- TK 1121 - Tiền Việt Nam: Phản ánh số tiền gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại ngân hàng bằng đồng Việt Nam.
- TK 1121 - Ngoại tệ: Phản ánh số tiền gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại ngân hàng bằng ngoại tệ các loại đã quy đổi ra đồng Việt Nam.
- TK 1123 – Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý: Phản ánh giá trị vàng, bạc, kim khí quý, đá quý gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại ngân hàng.

Bên nợ:

- Các khoản tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý gửi vào ngân hàng.
- Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư tiền gửi ngoại tệ cuối kỳ.

Bên có:

- Các khoản tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý rút ra từ ngân hàng.
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư tiền gửi ngoại tệ cuối kỳ.

Số dư bên nợ:

- Số tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý hiện còn gửi tại ngân hàng.

1.2.3.3. Chứng từ sử dụng để hạch toán tiền gửi Ngân hàng

- Các giấy báo Có, báo Nợ, bản sao kê của Ngân hàng.
- Các chứng từ khác : Séc chuyển khoản, séc định mức, séc bảo chi, ủy nhiệm chi, ủy nhiệm thu.

Hằng ngày căn cứ vào chứng từ “Báo Nợ”, “Báo Có” của Ngân hàng ghi vào các sổ kế toán tổng hợp. Kế toán tiền gửi Ngân hàng sử dụng các sổ kế toán tổng hợp tùy thuộc vào hình thức kế toán đơn vị áp dụng.

1.2.3.4. Sổ sách sử dụng để hạch toán tiền gửi Ngân hàng

- Nhật ký chung
- Sổ tiền gửi Ngân hàng
- Bảng tổng hợp chi tiết tiền gửi Ngân hàng
- Sổ cái TK 112
- Các sổ sách có liên quan đến tiền gửi

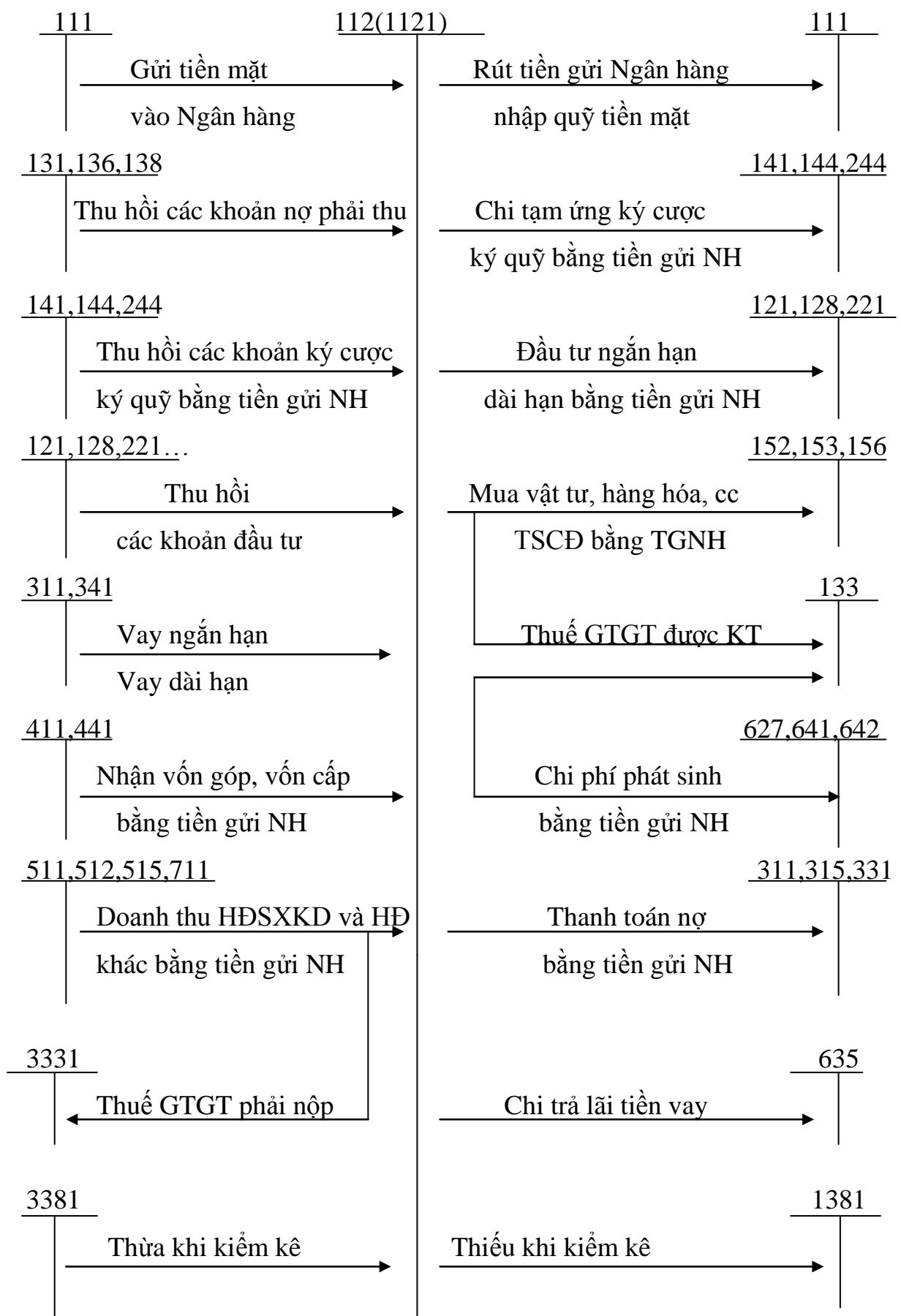
1.2.3.5. Kế toán chi tiết tiền gửi Ngân hàng***a, Đối với tiền gửi Ngân hàng là tiền Việt Nam***

- Tài khoản sử dụng : TK 1121 – Tiền gửi Việt Nam
- Chứng từ sử dụng
 - Giấy báo có
 - Giấy báo nợ
 - Bản sao kê của Ngân hàng
 - Các chứng từ khác như séc chuyển khoản, séc định mức, séc bảo chi, ủy nhiệm chi, ủy nhiệm thu...

Căn cứ để hạch toán tiền gửi ngân hàng là giấy báo có, giấy báo nợ hoặc bảng kê của ngân hàng kèm theo các chứng từ gốc (ủy nhiệm thu, chi).

Khi nhận các chứng từ của ngân hàng gửi đến, kế toán phải kiểm tra đối chiếu với chứng từ gốc kèm theo. Trường hợp có sự chênh lệch giữa số liệu trên sổ kế toán của đơn vị, số liệu ở chứng từ gốc với số liệu trên chứng từ của ngân hàng thì đơn vị phải thông báo cho ngân hàng để cùng đối chiếu xác minh và xử lý kịp thời nếu cuối tháng vẫn chưa xác định rõ nguyên nhân của chênh lệch thì kế toán ghi sổ theo số liệu trong giấy báo hay bảng sao kê của ngân hàng. Sang tháng sau phải tiếp tục kiểm tra, đối chiếu và tìm ra nguyên nhân chênh lệch để điều chỉnh số liệu ghi sổ.

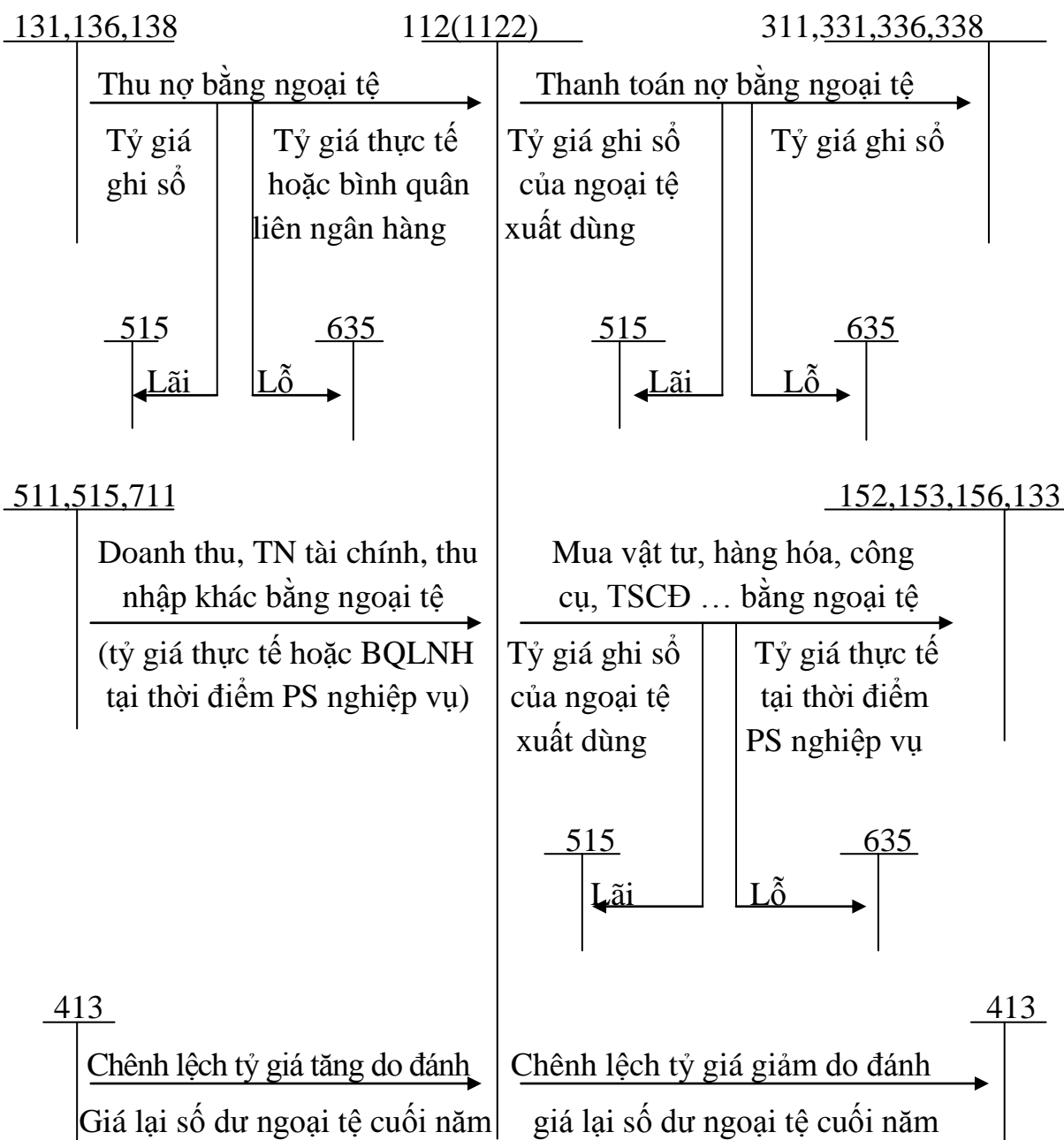
Kế toán tiền gửi Ngân hàng bằng tiền Việt Nam được thể hiện qua sơ đồ sau (sơ đồ 1.3).



Sơ đồ 1.3 Kế toán tiền gửi ngân hàng (VND)

b, Đối với tiền gửi Ngân hàng là ngoại tệ

- Ở thời điểm cuối năm tài chính, doanh nghiệp phải đánh giá các khoản tiền gửi ngoại tệ theo tỷ giá hối đoái ở thời điểm cuối năm tài chính là tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam công bố tại thời điểm cuối năm tài chính. Doanh nghiệp phải hạch toán chi tiết khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ này của hoạt động đầu tư XDCB giai đoạn trước hoạt động vào TK 4132 và của hoạt động sản xuất, kinh doanh vào TK 4131.
- Kế toán tiền gửi ngân hàng là ngoại tệ được thể hiện qua sơ đồ sau (Sơ đồ 1.4)



Tất cả các nghiệp vụ đều phải đồng thời ghi đơn TK 007 – Ngoại tệ các loại

TK 007

<p>Thu nợ bằng ngoại tệ</p> <p>-Doanh thu, TN tài chính</p> <p>TN khác bằng ngoại tệ</p>	<p>Thanh toán nợ bằng ngoại tệ</p> <p>- Mua vật tư, hàng hóa, công cụ, TSCĐ ... bằng ngoại tệ</p>
--	---

Sơ đồ 1.4. Kế toán tiền gửi Ngân hàng (Ngoại tệ)

1.2.4. Kế toán tiền đang chuyển

Tiền đang chuyển là các khoản tiền của doanh nghiệp đã nộp vào Ngân hàng, kho bạc Nhà nước hoặc đã gửi vào bưu điện để chuyển cho Ngân hàng hay đã làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản tại Ngân hàng hồi đoái ở thời điểm cuối năm tài chính theo tỷ lệ trả cho đơn vị khác nhưng chưa nhận được giấy báo có hay bản sao kê của Ngân hàng. Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản tiền của doanh nghiệp đã nộp vào Ngân hàng, kho bạc Nhà nước, đã gửi bưu điện để chuyển cho Ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo Có, trả cho đơn vị khác hay đã làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản tại Ngân hàng để trả cho đơn vị khác nhưng chưa nhận được Giấy báo Nợ hay bản sao kê của Ngân hàng.

Tiền đang chuyển gồm tiền Ngân hàng Việt Nam và ngoại tệ các loại phát sinh trong các trường hợp:

- Thu tiền mặt hoặc séc nộp thẳng cho Ngân hàng.
- Chuyển tiền qua bưu điện để trả cho đơn vị khác.
- Thu tiền bán hàng nộp thuế vào Kho bạc (Giao tiền tay ba giữa doanh nghiệp với người mua hàng và Kho bạc Nhà nước).

-Các khoản tiền cấp phát, trích chuyển giữa đơn vị chính với đơn vị phụ thuộc, giữa cấp trên với cấp dưới giao dịch qua Ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo Nợ hoặc báo Có...

Kế toán theo dõi tiền đang chuyển cần lưu ý:

- Séc bán hàng thu được phải nộp vào Ngân hàng trong phạm vi thời hạn giá trị của séc.

- Các khoản tiền giao dịch giữa các đơn vị trong nội bộ qua Ngân hàng phải đối chiếu thường xuyên để phát hiện sai lệch kịp thời.

- Tiền đang chuyển có thể cuối tháng mới phản ánh một lần sau khi đã đối chiếu với Ngân hàng.

1.2.4.2. Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 113 - Tiền đang chuyển, có hai tài khoản cấp 2:

- TK 1131 - Tiền Việt Nam: Phản ánh số tiền Việt Nam đang chuyển

- TK 1132 - Ngoại tệ: Phản ánh số tiền ngoại tệ đang chuyển

Bên nợ:

- Các khoản tiền mặt hoặc séc bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ đã nộp vào ngân hàng hoặc đã gửi bưu điện để chuyển vào ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo có.

- Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tiền đang chuyển cuối kỳ.

Bên có:

- Số kết chuyển vào TK 112 - Tiền gửi ngân hàng hoặc tài khoản có liên quan.

- Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tiền đang chuyển cuối kỳ.

Số dư bên nợ:

Các khoản tiền còn đang chuyển.

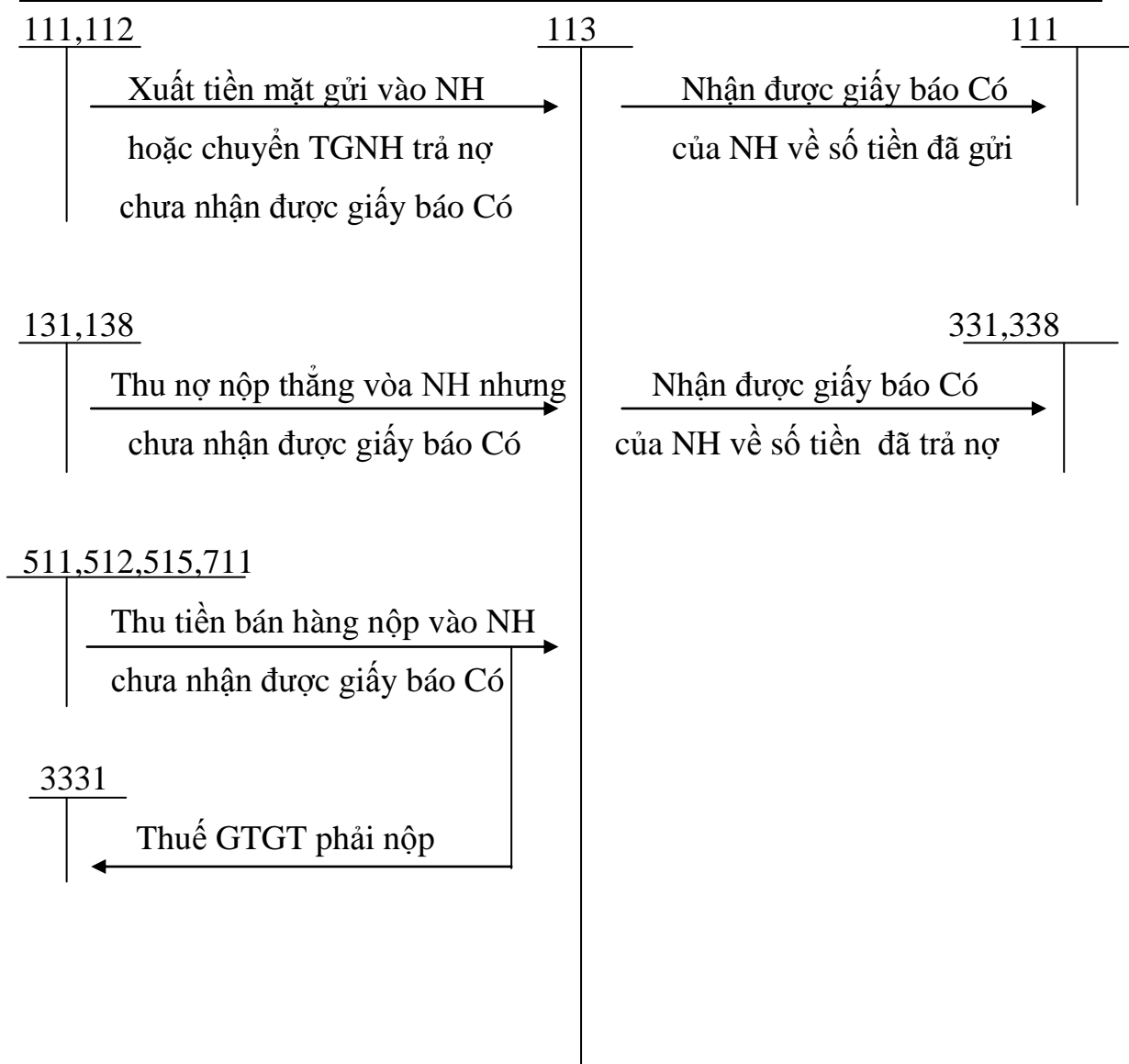
1.2.4.3. Chứng từ sử dụng:

- Giấy báo nộp tiền, bảng kê nộp séc

- Các chứng từ gốc kèm theo khác như : séc các loại, ủy nhiệm chi, ủy nhiệm thu.

1.2.4.4. Sơ đồ kế toán tiền đang chuyển

Kế toán tiền đang chuyển được thể hiện qua sơ đồ sau (sơ đồ 1.5)



Sơ đồ 1.5. Kế toán tiền đang chuyển

1.2.5. Các hình thức ghi sổ kế toán vốn bằng tiền:

Việc ghi chép vào sổ sách kế phải tổ chức một cách khoa học, hợp lý mới có thể tăng năng suất lao động của nhân viên kế toán, đảm bảo cung cấp đầy đủ kịp thời các chỉ tiêu kinh tế hoặc các báo cáo kế toán gửi cho cấp trên hay tại cơ quan nhà nước.

Hình thức tổ chức sổ kế toán trong doanh nghiệp bao gồm: Số lượng các mẫu sổ, kết cấu từng loại sổ, trình tự và phương pháp ghi chép từng loại sổ, mối quan hệ giữa các loại sổ kế toán với nhau và giữa sổ kế toán và báo cáo kế toán.

Mỗi hình thức kế toán có nội dung, ưu điểm và phạm vi áp dụng thích hợp. Do vậy các doanh nghiệp cần phải căn cứ vào những cơ sở lựa chọn hình thức kế toán để xác định hình thức kế toán thích hợp cho đơn vị mình nhằm phát huy tốt nhất vai trò chức năng của kế toán trong công tác quản lý.

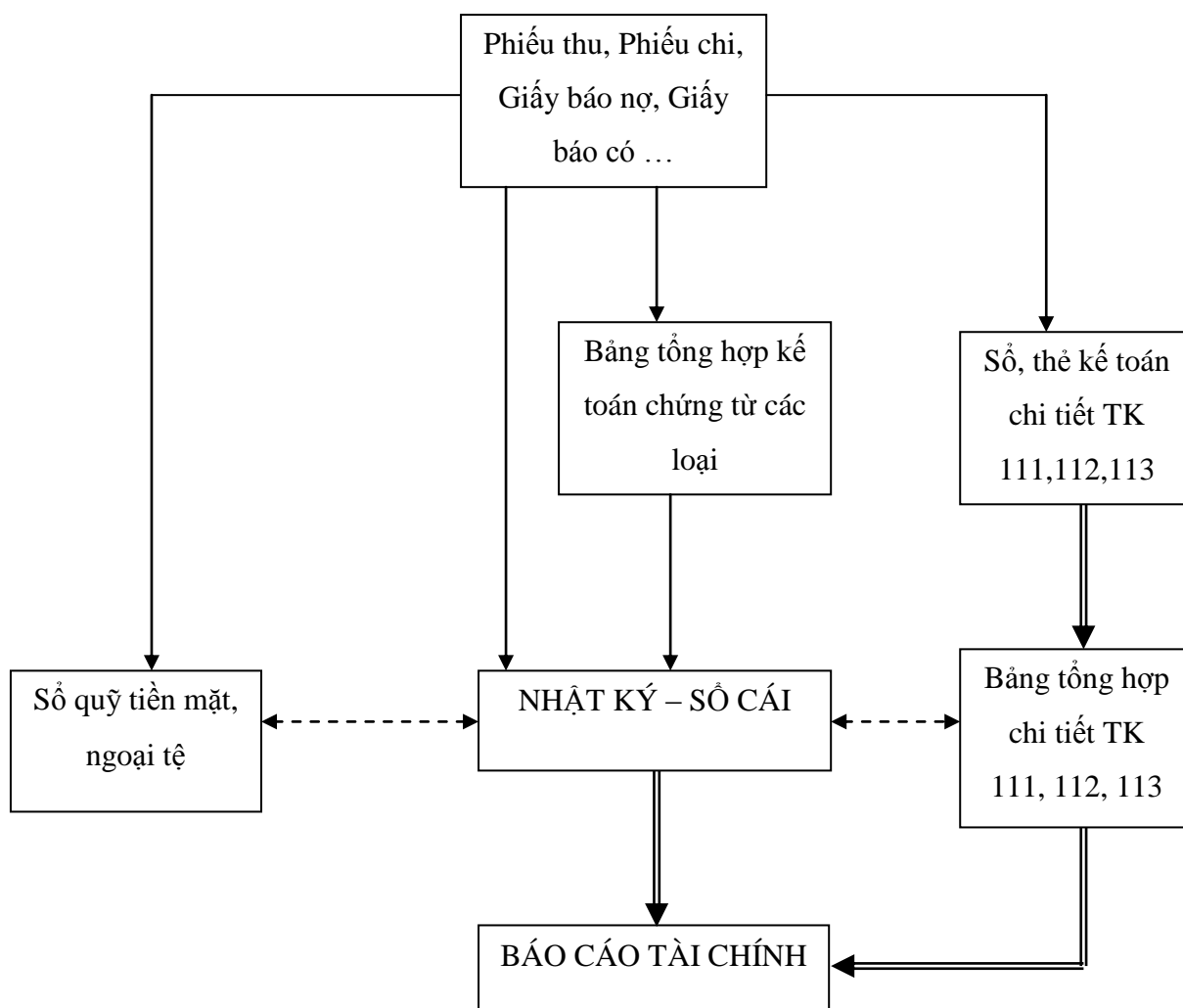
Việc lựa chọn nội dung và hình thức tổ chức sổ kế toán cho phù hợp với doanh nghiệp phụ thuộc vào một số điều kiện sau:

- Yêu cầu của công tác quản lý, trình độ của cán bộ quản lý.
 - Trình độ nghiệp vụ và năng lực công tác của nhân viên kế toán
 - Điều kiện và phương tiện vật chất phục vụ cho công tác kế toán
- Hiện nay, theo chế độ quy định có 5 hình thức tổ chức sổ kế toán:

- + Nhật ký - sổ cái
- + Nhật ký chung
- + Nhật ký chứng từ
- + Chứng từ ghi sổ
- + Kế toán máy

Sau đây là sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo các hình thức

Sơ đồ 1.6: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán nhật ký - sổ cái



Ghi chú:

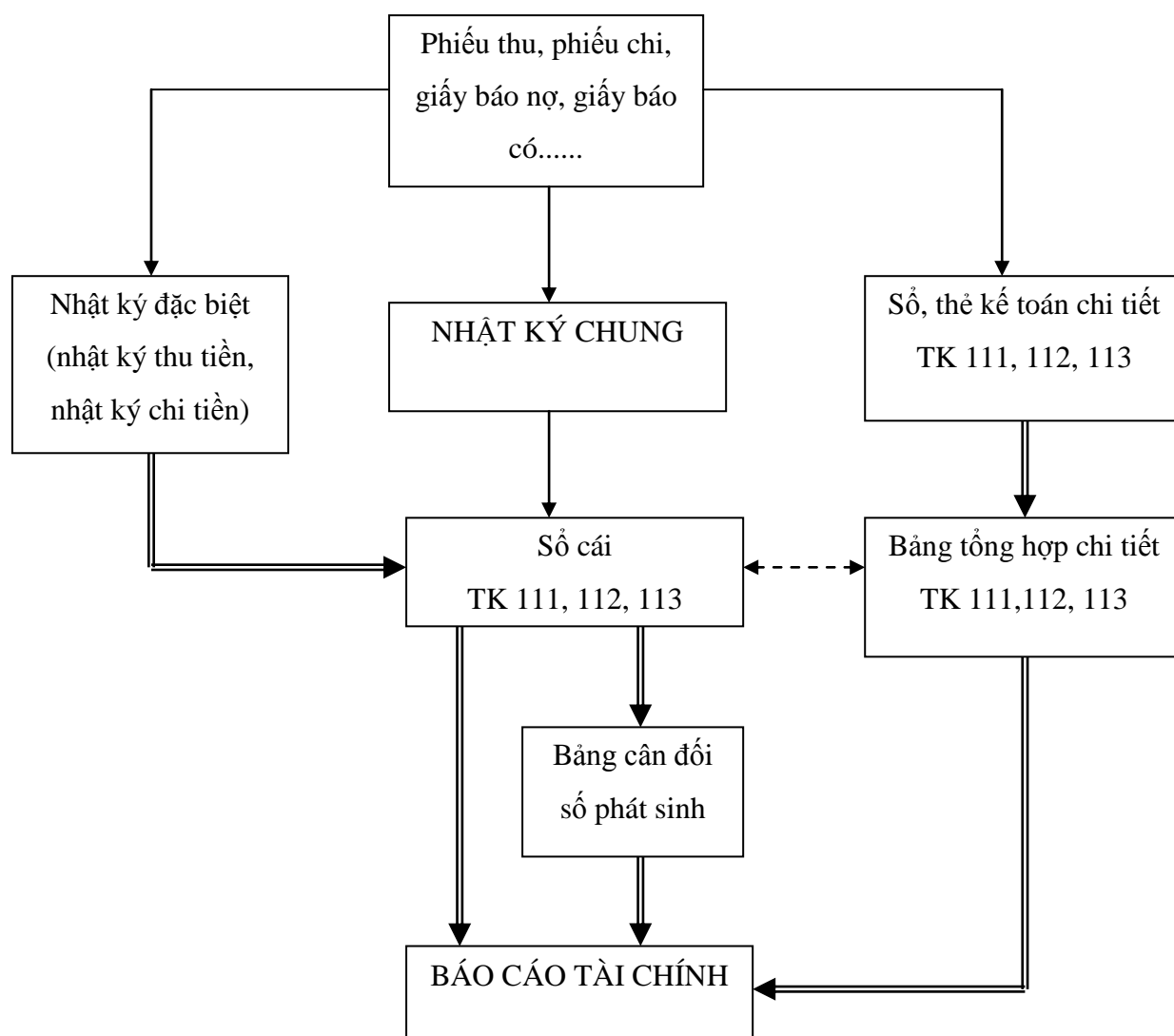
Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng: \Longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow

Hàng ngày kế toán căn cứ vào phiếu thu, phiếu chi, giấy báo nợ, giấy báo có... hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại để ghi vào sổ Nhật ký - sổ cái. Chứng từ kế toán và bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại sau khi đã ghi sổ Nhật ký – sổ cái, được dùng để ghi vào sổ, thẻ kế toán chi tiết TK111,112,113. Sau khi khóa sổ thẻ kế toán chi tiết cuối tháng (cuối quỹ) lập bảng tổng hợp chi tiết TK111,112,113 và đối chiếu với sổ nhật ký – sổ cái. Số liệu trên Nhật ký- sổ cái và trên bảng tổng hợp chi tiết sau khi khóa sổ được kiểm tra đối chiếu nếu khớp đúng sẽ được sử dụng để lập Báo cáo tài chính.

Sơ đồ 1.7: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán nhật ký chung



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

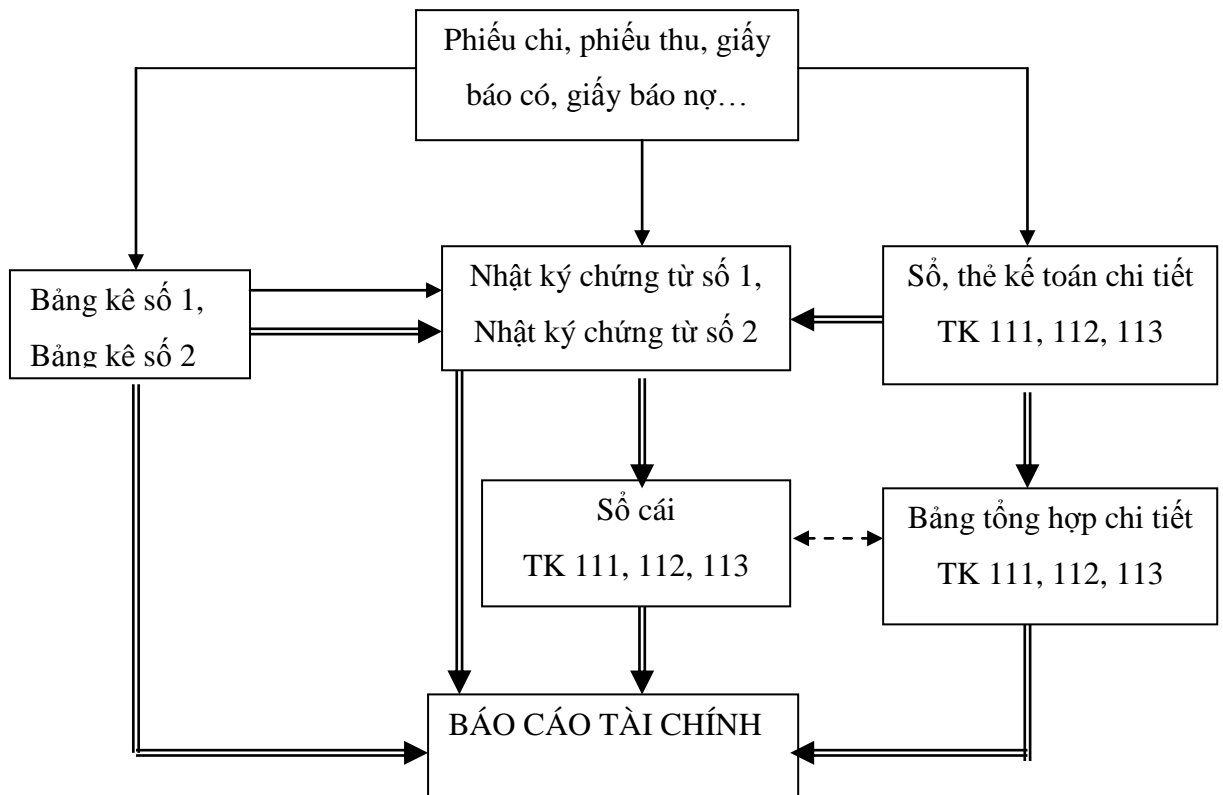
Ghi cuối tháng: \Longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow

Hàng ngày căn cứ vào phiếu thu, phiếu chi, giấy báo nợ, giấy báo có... hợp lệ kế toán định khoản kế toán rồi ghi vào sổ NKC theo thứ tự thời gian. Trường hợp đơn vị mở sổ nhật ký đặc biệt thì hàng ngày căn cứ vào các chứng từ gốc ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ nhật ký đặc biệt. Sau đó căn cứ vào số liệu trên sổ NKC để ghi vào sổ cái TK111,112,113. Đồng thời với việc ghi sổ NKC các nghiệp vụ được ghi vào sổ kế toán chi tiết TK111,112,113. Cuối tháng, cuối quý ,cuối năm cộng số liệu trên sổ cái để lập bảng cân đối

phát sinh số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng giữa sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết thì được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

Sơ đồ 1.8: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán nhật ký- chứng từ



Ghi chú:

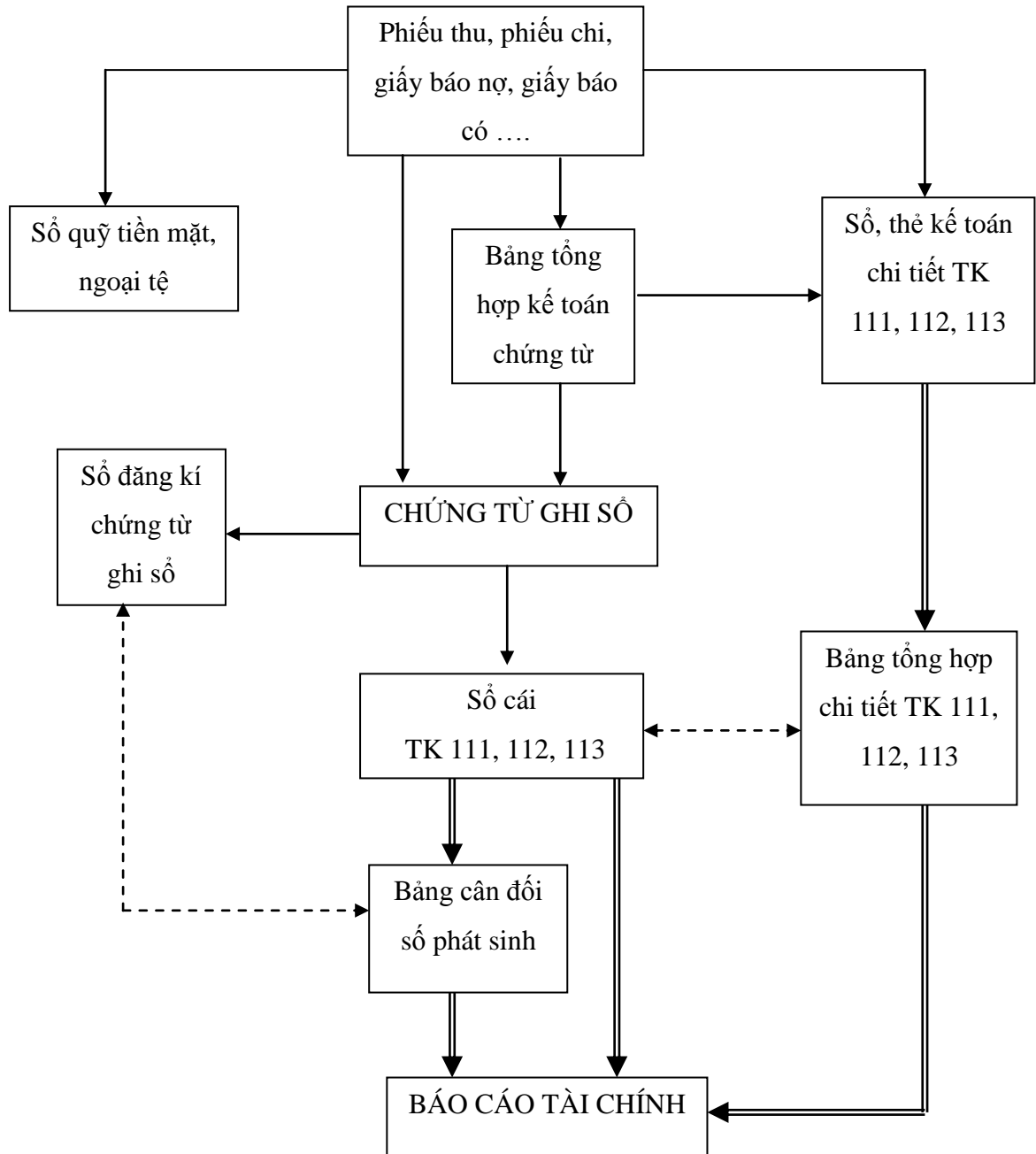
Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng: \Longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow

Hàng ngày căn cứ vào chứng từ gốc ghi trực tiếp vào các Nhật ký - chứng từ hoặc bản kê, sổ chi tiết có liên quan. Cuối tháng khóa sổ cộng số liệu trên các nhật ký chứng từ kiểm tra đối chiếu số liệu trên các nhật ký chứng từ với các sổ thẻ kế toán chi tiết TK111,112,113, bảng tổng hợp chi tiết TK111,112,113 rồi ghi trực tiếp vào sổ cái TK111,112,113. Số liệu tổng cộng ở sổ cái và một số chỉ tiêu chi tiết trong Nhật ký chứng từ số 1, số 2, bảng kê số 1, số 2 và các bảng tổng hợp chi tiết TK111,112,113 được dùng để lập báo cáo tài chính.

Sơ đồ 1.9: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán chứng từ ghi sổ



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

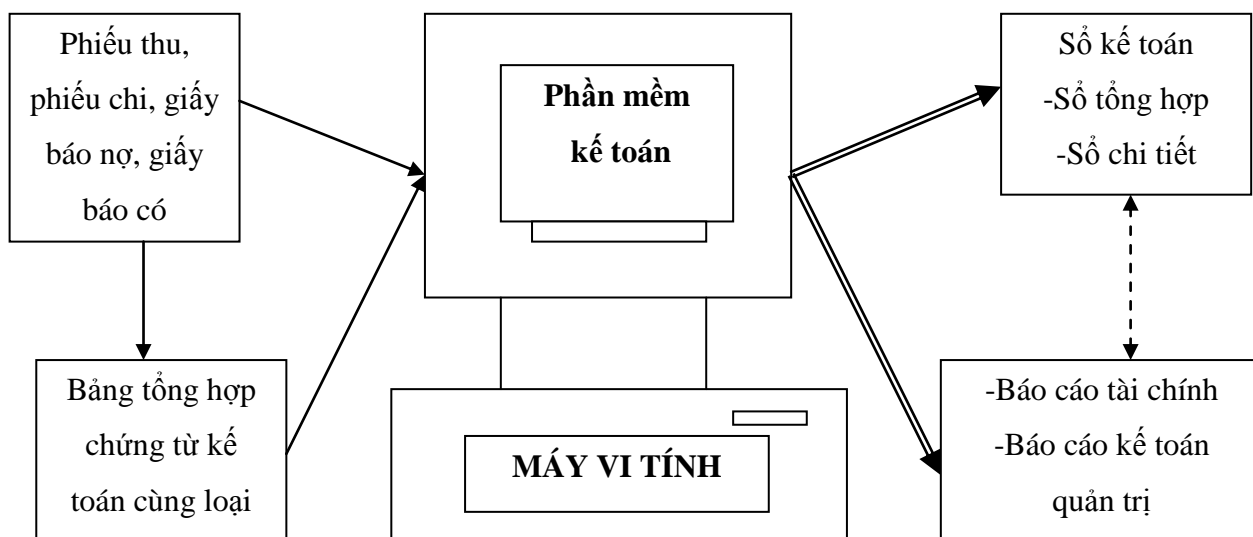
Ghi cuối tháng: \Longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow

Hàng ngày căn cứ vào phiếu thu, phiếu chi, giấy báo nợ, giấy báo có... hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, kế toán lập chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào sổ cái TK111,112,113. Cuối tháng, cuối quý căn cứ vào sổ cái để lập bảng cân

đối số phát sinh. Sau khi đã đối chiếu số cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập báo cáo tài chính.

Sơ đồ 1.10: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: —————→

In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm: ══════════→

Đối chiếu, kiểm tra: - - - - ->

Hàng ngày kế toán căn cứ vào phiếu thu, phiếu chi, giấy báo nợ, giấy báo có... hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại để nhập dữ liệu vào máy tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán. Cuối tháng (cuối quý) hoặc bất kỳ thời điểm nào cần thiết kế toán thực hiện thao tác khóa sổ và lập báo cáo tài chính. Cuối tháng, cuối quý, hoặc cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

CHƯƠNG II**TỔ CHỨC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐẠI DƯƠNG****2.1 Giới thiệu chung về công ty TNHH thương mại dịch vụ Đại Dương****2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH thương mại dịch vụ Đại Dương.**

Với yêu cầu trong thời kỳ đổi mới, thời kỳ mà nền kinh tế hội nhập đang có sự phát triển như vũ bão, việc khuyến khích đa dạng các ngành nghề kinh doanh sản xuất đáp ứng nhu cầu tại địa phương và các tỉnh thành trong cả nước là chủ trương của Đảng và nhà nước ta.

Công ty TNHH TMDV Đại Dương được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh Nghiệp Việt Nam đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005 (sau này gọi là luật doanh nghiệp).

Công ty TNHH thương mại dịch vụ Đại Dương là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thương mại, công ty có bề dày lịch sử gắn liền với sự thăng trầm của đất nước về kinh tế và chính trị trong suốt nhiều năm qua.

- Tên công ty viết tắt bằng tiếng việt :

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐẠI DƯƠNG

- Trụ sở chính: Số 2A – Tổ 7 – khu Cam Lộ 2 – P.Hùng Vương – Q.Hồng Bàng – TP. Hải Phòng
- Điện thoại: 031.3522137
- Fax: 031.3522137
- Mã số thuế: 0200807520
- Ngày hoạt động 12/10/2008

Đây là công ty TNHH một thành viên do ông Quách Trung Giáp thành lập với số vốn điều lệ là 2.850.000 đồng (hai tỷ tám trăm năm mươi triệu đồng chẵn).

Trong nhiều năm qua , công ty đã trưởng thành và lớn mạnh cùng ngành thương mại nói riêng cũng như nền kinh tế Việt Nam nói chung. Trải qua những năm tháng khó khăn và trì trệ của thời kỳ khủng hoảng kinh tế, có thời gian công ty gần như bị giải thể nhưng với sự cố gắng của tập thể lãnh đạo cũng như toàn bộ nhân viên của công ty đã duy trì và từng bước khẳng định mình trên đà phát triển của đất nước.

2.1.1.1 Ngành nghề kinh doanh:

Công ty TNHH thương mại dịch vụ Đại Dương đăng ký ngành nghề kinh doanh sau:

- Sản xuất đồ gỗ xây dựng
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ
- Gia công cơ khí: xử lý và tráng phủ kim loại
- Sản xuất thân xe có động cơ, rơ mooc
- Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị
- Xây dựng nhà các loại
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
- Bán, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô, xe có động cơ khác
- Bán, bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy, phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy
- Đại lý
- Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm có liên quan
- Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dùng
- Vận tải đường thủy
- Vận tải đường thủy nội địa

- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa
- Kho bãi và các hoạt động hỗ trợ vận tải
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy
- Dịch vụ ăn uống
- Cho thuê ô tô
- Đại lý du lịch
- Điều hành tua du lịch
- Hoạt động dịch vụ vệ sinh nhà cửa, công trình và cảnh quan.

Ngành nghề kinh doanh rất đa dạng, nhưng hiện tại công ty kinh doanh chủ yếu lĩnh vực vận tải và sửa chữa.

2.1.1.2 Thuận lợi, khó khăn và kết quả kinh doanh công ty đạt được:

Trải qua hơn 4 năm xây dựng và phát triển công ty đã đạt được những kết quả nhất định trong lĩnh vực kinh doanh của mình. Suốt thời gian đó bên cạnh những thuận lợi công ty cũng gặp không ít những khó khăn.

+ Thuận lợi:

- Công ty đã xây dựng tốt bộ máy quản lý và tuyển dụng đào tạo, đội ngũ lao động có trình độ, chuyên môn, tâm huyết. Ban lãnh đạo công ty giàu kinh nghiệm, biết khai thác và phát huy năng lực cán bộ công nhân viên.

- Công ty hình thành trên địa bàn có điều kiện giao thông thuận lợi góp phần không nhỏ trong quá trình phân phối và tiêu thụ sản phẩm của công ty.

- Khách hàng của công ty phần lớn là khách quen. Công ty không những duy trì tốt quan hệ đó mà còn tăng cường mở rộng hợp tác với bạn hàng khác với mục tiêu mở rộng đại bàn hoạt động kinh doanh.

- Các sản phẩm, hàng hóa của công ty rất đa dạng. Có thể đáp ứng nhu cầu phong phú của khách hàng.

+ Khó khăn:

- Bên cạnh những thuận lợi trên công ty cũng gặp không ít những khó khăn: Là một công ty mới thành lập lại trên địa bàn có rất nhiều doanh nghiệp

cùng kinh doanh trong lĩnh vực này. Do đó đối thủ cạnh tranh tương đối lớn đòi hỏi công ty cần làm tốt công tác thị trường và dịch vụ chăm sóc khách hàng để thu hút khách hàng.

- Mặt khác, công ty cũng trong tình trạng chung của các công ty Việt Nam hiện nay là quy mô nhỏ, chịu cước phí của các dịch vụ có giá cao, năng lực tài chính còn chưa đủ mạnh. Thêm vào đó hệ thống pháp luật, chính sách chế độ quản lý còn nhiều bất cập, đặc biệt các cơ quan quản lý còn chưa quan tâm đúng mức đến việc hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn giúp cho doanh nghiệp nâng cao khả năng cạnh tranh về cơ chế vốn và thị trường.

+ *Kết quả kinh doanh của công ty những năm gần đây:*

Trong vài năm gần đây, chịu sự ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu đã tác động tiêu cực tới hoạt động thương mại, dịch vụ của công ty.

Sau đây là báo cáo kết quả kinh doanh của công ty qua các năm:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
1	Tổng nguồn vốn	20.315.693.665	23.900.573.490	23.696.672.405
2	Doanh thu	16.388.568.229	18.610.634.626	19.368.965.678
3	Chi phí	16.334.065.088	18.560.864.509	19.313.855.250
4	Lợi nhuận trước thuế	54.503.141	49.770.117	55.110.428
5	Nộp ngân sách	13.625.785	12.442.529	13.777.607

Qua bảng số liệu trên ta thấy công ty có những bước phát triển cụ thể:

- Doanh thu là khoản thu được khi cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho khách hàng. Năm 2011 doanh thu tăng 2.222.066.397 đồng so với năm 2010 và năm 2012 doanh thu tăng 758.331.052 đồng so với năm 2011. Điều này

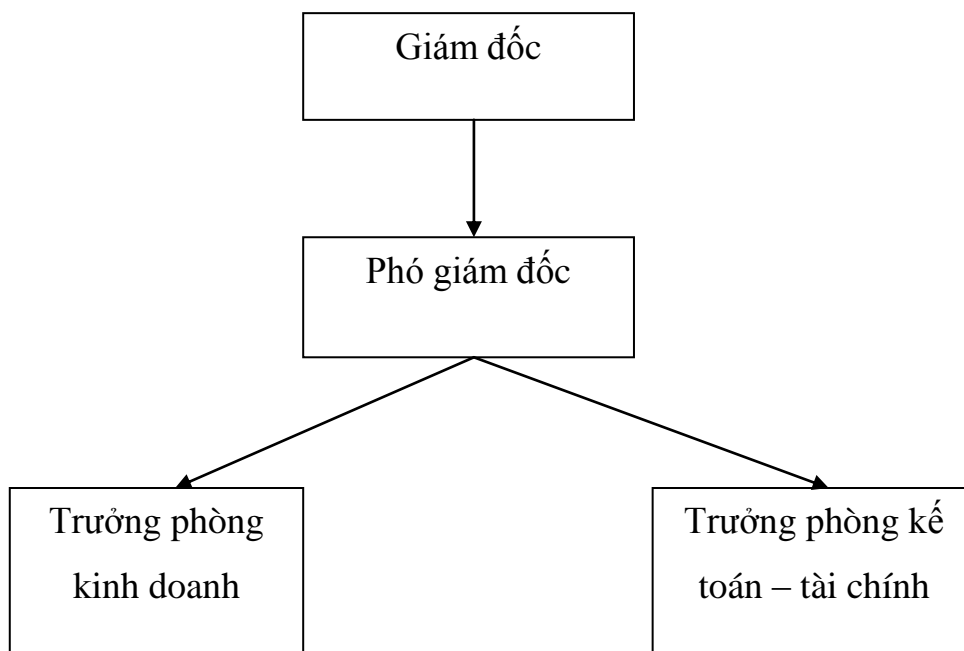
cho thấy công ty có phương hướng kinh doanh đúng đắn, bước đi cụ thể để đưa công ty ngày càng vững mạnh.

- Chi phí là tất cả các khoản chi công ty chi trong 1 năm hoạt động kinh doanh, khoản chi này gồm chi lương nhân viên, chi dịch vụ mua ngoài, chi khấu hao tài sản cố định ...

- Lợi nhuận trước thuế của công ty năm 2011 là 49.770.117 đồng giảm 4.733.024 đồng so với năm 2010. Nhưng đến năm 2012, do đổi mới công tác quản lý có hiệu quả và đào tạo được đội ngũ cán bộ công nhân viên có trình độ nghiệp vụ chuyên môn cao, tâm huyết với nghề nên lợi nhuận trước thuế tăng 5.340.311 đồng so với năm 2011. Hằng năm công ty luôn nộp ngân sách nhà nước đầy đủ.

2.1.2 Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của công ty:

Xuất phát từ đặc điểm kinh doanh mà công ty tổ chức bộ máy quản lý theo mô hình tập trung, thể hiện qua sơ đồ:



Sơ đồ 2.1 Tổ chức bộ máy quản lý tại công ty

Theo mô hình trên, nhiệm vụ của từng bộ phận là:

➤ **Giám đốc**

Là người đại diện cho Công ty trước pháp luật, người điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty, chịu trách nhiệm về việc thực hiện

các quyền nghĩa vụ và quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích của Công ty trước pháp luật.

➤ Phó giám đốc

Là người giúp việc cho Giám đốc, Phó giám đốc có quyền thay mặt Giám đốc điều hành mọi hoạt động của công ty khi Giám đốc vắng mặt. Phó giám đốc phải chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của mình trước Giám đốc công ty.

➤ Trưởng phòng kinh doanh:

Là người trực tiếp quản lý phòng kinh doanh của công ty, chịu trách nhiệm về việc giao dịch mua bán với khách hàng, thực hiện chế độ thông tin báo cáo, tiếp thị và cung ứng trực tiếp hàng hóa cho mọi đối tượng quản lý tiền, cơ sở vật chất do công ty giao.

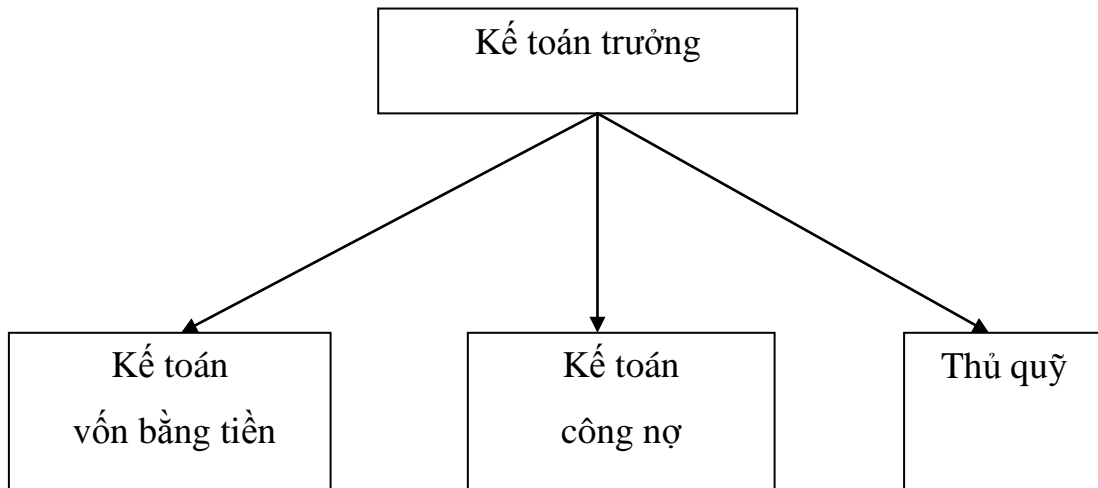
➤ Trưởng phòng tài chính – kế toán:

Chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của phòng tài chính kế toán, đồng thời nắm bắt toàn bộ hoạt động kinh doanh trong công ty qua đó giám sát tình hình của công ty, cũng như việc sử dụng có hiệu quả tiền vốn, lao động, vật tư giám định việc chấp hành chế độ hạch toán các chỉ tiêu kinh tế, tổ chức theo quy định của nhà nước, lập bảng chi tổng hợp, xây dựng kết quả tiêu thụ, kết quả tài chính và kết quả kinh doanh của công ty.

2.1.3 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty:

2.1.3.1 Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty

Bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức theo hình thức tập trung. Toàn bộ công việc kế toán được tập trung tại phòng kế toán của Công ty. Bộ máy kế toán của công ty trực tiếp theo dõi và hạch toán, nắm chắc tình hình tài chính về vốn, tài sản của Công ty.



Sơ đồ 2.2 Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty

➤ **Kế toán trưởng(kiểm kế toán tổng hợp):**

Tổng hợp mọi số liệu chứng từ mà kế toán giao cho. Kiểm tra việc ghi chép, luân chuyển chứng từ. Có trách nhiệm phụ trách chung mọi hoạt động của phòng kế toán. Tham mưu kịp thời với Giám đốc tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty cho giám đốc. Định kỳ kế toán trưởng dựa vào các thông tin từ các nhân viên trong phòng kế toán đối chiếu với sổ sách để lập báo cáo phục vụ cho giám đốc và các đối tượng khác có nhu cầu thông tin về tài chính của công ty.

Các kế toán viên có nhiệm vụ hạch toán các khoản thu chi toàn công ty tính theo chế độ tài chính kế toán do nhà nước và cơ quan chức năng quy định. Xử lý các nghiệp vụ kế toán trong quá trình hoạt động kinh doanh, quản lý vốn, phản ánh tình hình sử dụng hiệu quả các nguồn vốn và tài sản của công ty.

➤ **Kế toán vốn bằng tiền:**

Chịu trách nhiệm theo dõi tiền mặt, TGNH, tiến hành thanh toán với người mua và người bán, thanh toán các khoản lương bảo hiểm theo dõi thanh toán với ngân sách và cấp trên.

➤ ***Kế toán công nợ:***

Người phụ trách theo dõi các khoản phải thu, phải trả của công ty. Kết hợp chặt chẽ với phòng kinh doanh theo dõi đơn đốc thu hồi công nợ khách hàng kịp thời.

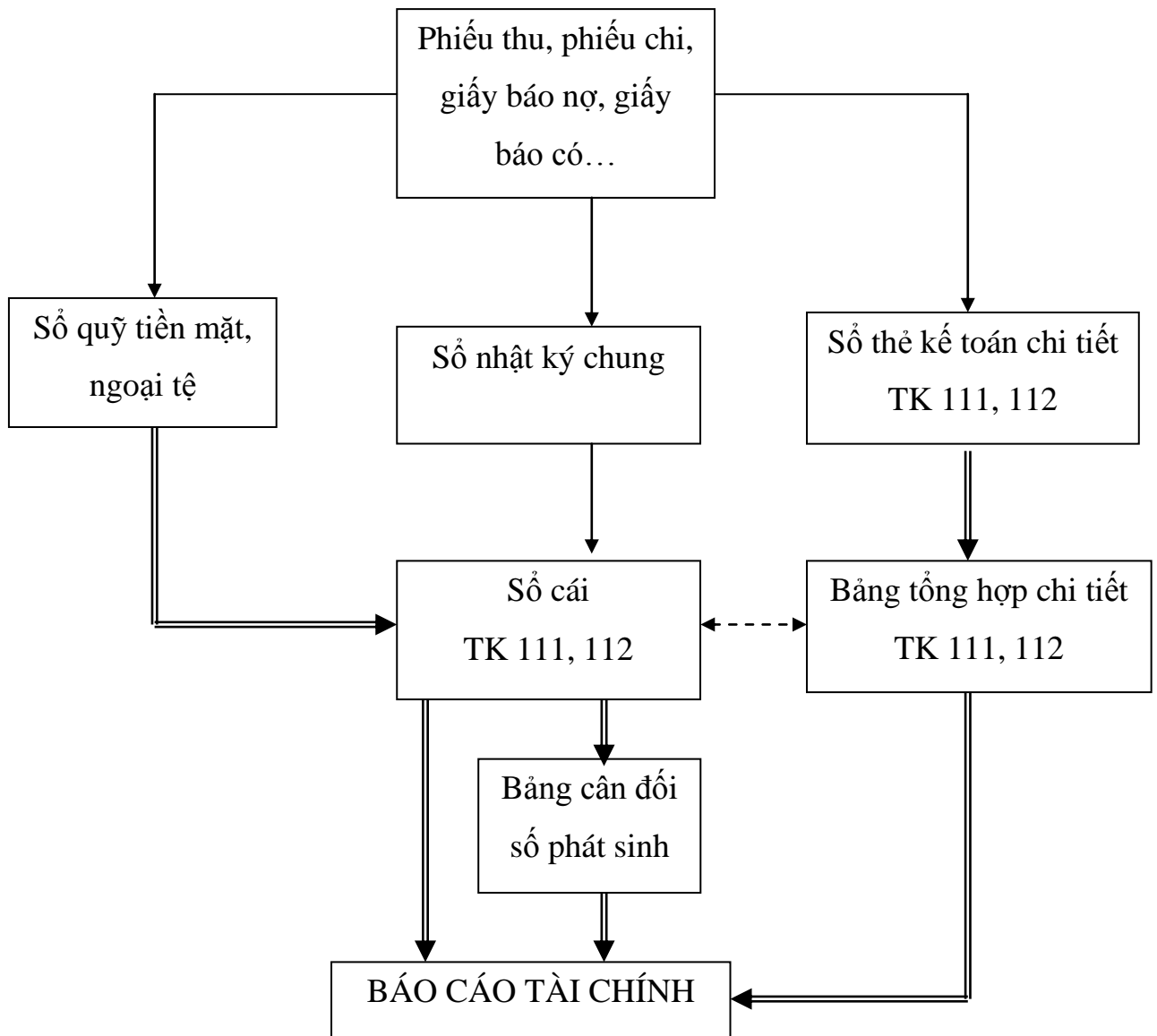
➤ ***Thủ quỹ kiêm tài sản cố định:***

Tiến hành thu chi tại doanh nghiệp, hàng tháng cân đối các tài khoản thu chi cuối ngày, theo dõi tài sản cố định, phản ánh tình hình tăng giảm tài sản cố định trên cơ sở nguyên giá tài sản cố định hiện có của công ty và tỷ lệ trích khấu hao đã được cục quản lý vốn và tài sản của thành phố Hải Phòng phê duyệt.

2.1.3.2 Hình thức kế toán và một số chế độ kế toán áp dụng tại công ty.

Để đáp ứng nhu cầu quản lý và thuận tiện cho việc theo dõi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh công ty TNHH thương mại dịch vụ Đại dương sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

➤ Đặc trưng cơ bản của hình thức nhật ký chung là tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều được ghi sổ nhật ký, mà trọng tâm là sổ nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ nhật ký chung để ghi sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.



Sơ đồ 2.3 Quy trình luân chuyển chứng từ

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng: \Longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow

Với hình thức kế toán nhật ký chung hàng ngày kế toán căn cứ vào phiếu chi, phiếu thu, giấy báo có, giấy báo nợ... để định khoản kế toán ghi trực tiếp vào sổ nhật ký chung theo trình tự thời gian sau đó căn cứ vào sổ nhật ký chung để ghi vào sổ cái tài khoản 11, 112. Cuối tháng tổng hợp số liệu của sổ cái và lấy số liệu của sổ cái ghi vào bảng cân đối số phát sinh các tài khoản tổng hợp.

Đối với các tài khoản có mở các sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết thì sau khi ghi sổ nhật ký chung phải căn cứ vào chứng từ gốc ghi vào sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết TK 111, 112. Cuối tháng cộng sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết và căn cứ vào đó lập bảng tổng hợp chi tiết TK 111,112 để đối chiếu với sổ cái. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp số liệu, bảng cân đối số phát sinh được dùng làm căn cứ để lập báo cáo tài chính.

2.1.3.3 Các chính sách kế toán áp dụng tại công ty:

Công ty thực hiện đúng chế độ kế toán do bộ tài chính ban hành đó là thông tư, nghị định quy định, hướng dẫn về kế toán do cơ quan quản lý nhà nước về kế toán hoặc tổ chức được quyền ban hành. Cụ thể công ty đang áp dụng chế độ kế toán ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ – BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính. .

- Đơn vị tiền tệ: đồng Việt Nam, đơn vị tính: đồng
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thương xuyên.
- Phương pháp tính khấu hao tài sản cố định: Khấu hao đường thẳng
- Phương pháp tính thuế GTGT: tính theo phương pháp khấu trừ.
- Bắt đầu từ ngày 01/01 đến 31/12 năm dương lịch.

2.2 Tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH thương mại dịch vụ Đại Dương:

Kế toán vốn bằng tiền của công ty TNHH thương mại dịch vụ Đại Dương bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và không sử dụng tài khoản tiền đang chuyển

2.2.1 Kế toán tiền mặt tại quỹ của công ty

Tiền mặt phản ánh tình hình thu, chi, tồn quỹ tại công ty. Kế toán tiền mặt mở sổ quỹ tiền mặt, ghi chép hàng ngày và liên tục theo trình tự phát sinh các khoản thu, chi, nhập, xuất quỹ tiền mặt và tính ra số tồn quỹ tại mỗi thời điểm.

2.2.1.1 Chứng từ kế toán sử dụng:

Trong quá trình hạch toán kế toán bằng tiền công ty sử dụng các chứng từ sau:

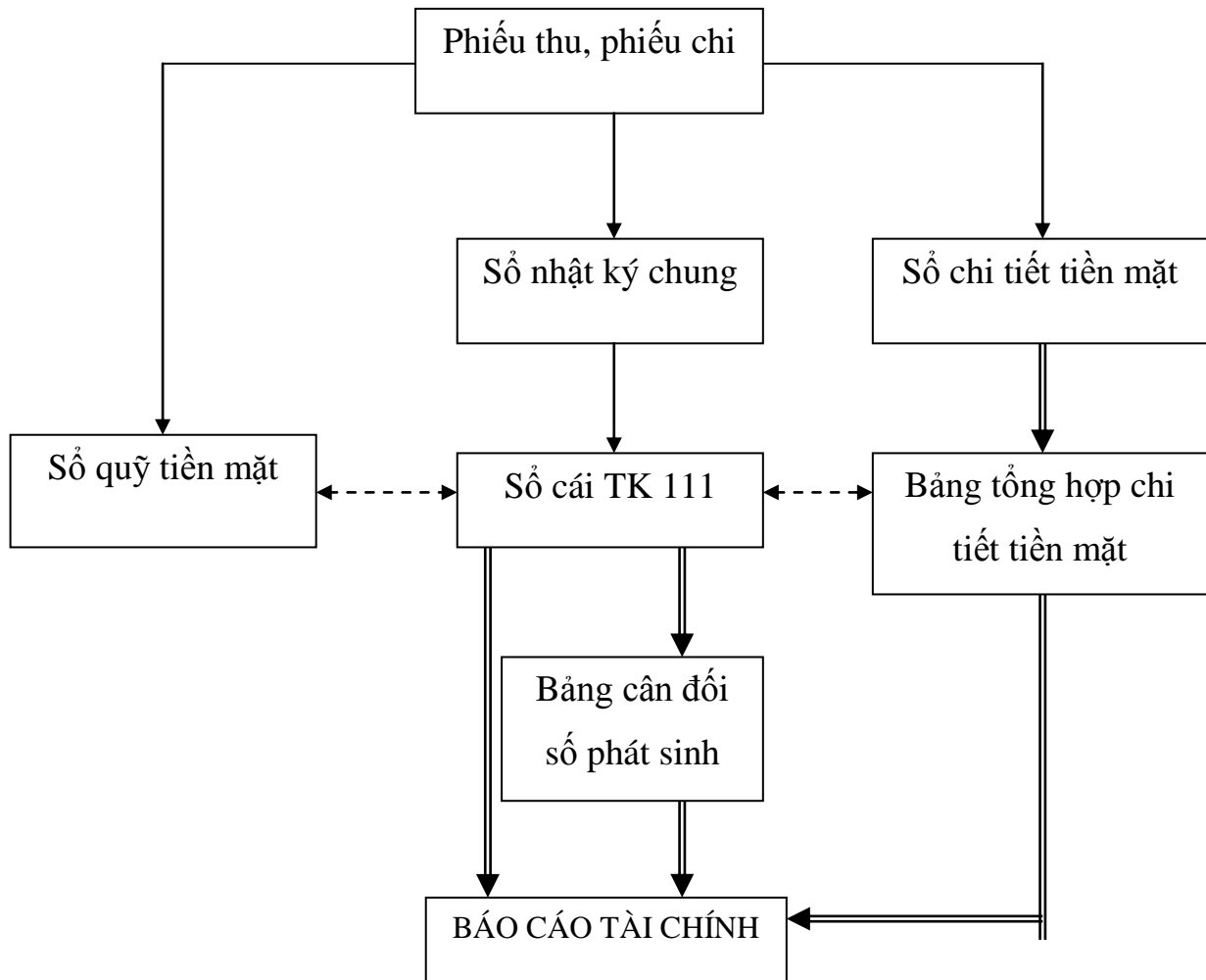
-Phiếu thu, phiếu chi: căn cứ vào các chứng từ liên quan (hóa đơn giá trị gia tăng,, đơn xin rút tiền, giấy đề nghị thanh toán...) kế toán lập phiếu thu, phiếu chi. Các phiếu này ghi đầy đủ nội dung và được đính kèm với các chứng từ trên và chuyển cho giám đốc, kế toán trưởng để ký duyệt. Cuối cùng chuyển cho thủ quỹ để làm căn cứ nhập, xuất quỹ.

Phiếu thu gồm 3 liên:

- + Liên 1: Lưu tại phòng kế toán
- + Liên 2: Giao cho người nhận
- + Liên 3: Giao cho thủ quỹ

2.2.1.2 Tài khoản và sổ sách sử dụng:

- TK 111 – tiền mặt
- Các sổ sách sử dụng trong kế toán tiền mặt
 - + Sổ quỹ tiền mặt
 - + Sổ kế toán chi tiết quỹ tiền mặt
 - + Sổ nhật ký chung
 - + Sổ cái TK 111
 - + Sổ kế toán tổng hợp TK 111
 - + Sổ kế toán chi tiết TK 111
- Quy trình luân chuyển chứng từ:



Sơ đồ 2.4: Quy trình luân chuyển chứng từ kế toán tiền mặt

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng: \Longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow

Khi có nghiệp vụ thu chi tiền mặt xảy ra, kế toán sẽ căn cứ vào hóa đơn bán hàng hoặc mua hàng để lập phiếu thu hoặc chi sẽ được chuyển cho thủ quỹ thực hiện các nghiệp vụ thanh toán, đồng thời ghi sổ quỹ. Căn cứ vào phiếu thu, phiếu chi kế toán tổng hợp sẽ vào sổ nhật ký chung, vào sổ chi tiết tài khoản tiền mặt, từ sổ nhật ký chung sẽ vào sổ cái tiền mặt, cuối quý căn cứ vào sổ chi tiết và sổ cái đã lập kế toán vào sổ tổng hợp chi tiết, bảng cân đối tài khoản và báo cáo kế toán cho quý đó.

2.2.1.1 Kế toán tiền mặt tại quỹ:***a, Kế toán thu tiền mặt:***

Tháng 8 năm 2012 công ty TNHH thương mại dịch vụ Đại Dương có rất nhiều nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến các khoản thu. Sau đây là một số nghiệp vụ chủ yếu:

Ví dụ 1:

Ngày 11/8/2012, Công ty cổ phần xây dựng thương mại Hùng Phát trả tiền sửa chữa và thay thế mooc téc theo HĐ 0000312 số tiền là 17.705.000 đồng (chưa thuế VAT 10%). Khi khách hàng thanh toán bằng tiền mặt thì căn cứ vào HĐGTGT số 0000312 (Liên 3: Nội bộ)., kế toán viết phiếu thu số 350(biểu số 2.2), vào sổ quỹ tiền mặt (biểu số 2.11),sổ nhật ký chung (biểu số 2.12), sổ cái TK 111 (biểu số 2.13).

<p>CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐẠI DƯƠNG Địa chỉ: Số 2A tổ 7- khu Cam Lộ 2- Hùng Vương- Hồng Bàng- Hải Phòng MST: 0200807520 Tel/Fax: 031.3522.137</p>																			
<p>HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 3: Nội bộ Ngày 11 tháng 8 năm 2012</p>				<p>Mẫu số: 01GTKT3/001 Ký hiệu: AA/11T Số: 0000312</p>															
<p>Họ tên người mua hàng: Tên đơn vị: Công ty CP xây dựng thương mại Hùng Phát Địa chỉ: Số 9/49 – Tôn Dân- Hồng Bàng- Hải Phòng Số tài khoản: Hình thức thanh toán: TM Mã số thuế:</p>																			
<table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">7</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">9</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">3</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">1</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;"> </td> <td style="width: 20px; text-align: center;"> </td> <td style="width: 20px; text-align: center;"> </td> <td style="width: 20px; text-align: center;"> </td> </tr> </table>						0	2	0	0	7	9	3	0	1	0				
0	2	0	0	7	9	3	0	1	0										
Số TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền														
A	B	C	1	2	3=1x2														
1	Sửa chữa và thay thế				17.705.000														
Cộng tiền hàng:					17.705.000														
Thuế suất GTGT 10%					Tiền thuế GTGT: 1.770.500														
					Tổng cộng tiền thanh toán: 19.475.500														
<p>Số tiền viết bằng chữ: Mười chín triệu bốn trăm bảy mươi năm nghìn năm trăm đồng chẵn.</p>																			
<p>Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)</p>		<p>Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)</p>		<p>Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</p>															

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Biểu số 2.1: Hóa đơn GTGT số 0000312

Đơn vị: Công ty
TNHH TM DV Đại
Dương
Địa chỉ:

PHIẾU THU

Số: 350

Ngày 11 tháng 8 năm 2012

Quyển số: 12

Mẫu số: 01 – TT

(Ban hành theo QĐ
48/2006/QĐ- BTC ngày
14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

Họ tên người nộp tiền: Công ty CP xây dựng thương mại Hùng Phát

Địa chỉ: Số 9/49 – Tôn Dân – Hồng Bàng – Hải Phòng

Lý do nộp: sửa chữa và thay thế mooc téc

Số tiền: 19.475.500 đồng (Viết bằng chữ): Mười chín triệu bốn trăm bảy mươi năm nghìn năm trăm đồng chẵn.

Kèm theo: 1 chứng từ gốc

Ngày 11 tháng 8 năm 2012

Người lập phiếu
(ký, họ tên)

Người nộp tiền
(ký, họ tên)

Thủ quỹ
(ký, họ tên)

Kế toán
trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):

+Số tiền quy đổi:

(Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu)

Biểu số 2.2: Phiếu thu 350

Ví dụ 2:

Ngày 17/8/2012, công ty TNHH dịch vụ vận tải Toàn Minh trả tiền sửa chữa và thay thế với số tiền là 18.000.000 đồng (chưa bao gồm thuế VAT 10%), theo HĐGTGT 0000318, kế toán lập phiếu thu số 372(biểu số 2.4, vào sổ quỹ tiền mặt (biểu số 2.11), sổ nhật ký chung (biểu số 2.12), sổ cái TK 111(biểu số 2.13).

<p>CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐẠI DƯƠNG Địa chỉ: Số 2A tổ 7- khu Cam Lộ 2- Hùng Vương- Hồng Bàng- Hải Phòng MST: 0200807520 Tel/Fax: 031.3522.137</p>																			
<p>HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 3: Nội bộ Ngày 17 tháng 8 năm 2012</p>					Mẫu số: 01GTKT3/001 Ký hiệu: AA/11T Số: 0000318														
Họ tên người mua hàng: Tên đơn vị: Công ty TNHH dịch vụ vận tải Toàn Minh Địa chỉ: Phòng 220-Khu văn phòng-Ngõ 109-Trường Chinh-Thanh Xuân-HN Số tài khoản: Hình thức thanh toán: TM Mã số thuế:																			
<table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">1</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">7</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">7</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">4</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">4</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">5</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px;"></td> <td style="width: 20px;"></td> <td style="width: 20px;"></td> <td style="width: 20px;"></td> </tr> </table>						0	1	0	2	7	7	4	4	5	0				
0	1	0	2	7	7	4	4	5	0										
Số TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền														
A	B	C	1	2	3=1x2														
1	Sửa chữa và thay thế				18.000.000														
Cộng tiền hàng:					18.000.000														
Thuế suất GTGT 10%					Tiền thuế GTGT: 1.800.000														
					Tổng cộng tiền thanh toán: 19.800.000														
Số tiền viết bằng chữ: Mười chín triệu tám trăm nghìn đồng chẵn.																			
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)															

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Biểu số 2.3: Hóa đơn GTGT số 0000318

Đơn vị: Công ty
TNHH TM DV Đại
Dương
Địa chỉ:

PHIẾU THU

Số: 372

Ngày 17 tháng 8 Năm 2012

Quyển số: 12

Mẫu số: 01 – TT

(Ban hành theo QĐ
48/2006/QĐ- BTC ngày
14/9/2006 của Bộ trưởng
BTC)

Họ tên người nộp tiền: Công ty TNHH dịch vụ vận tải Toàn Minh

Địa chỉ: Phòng 220-Khu văn phòng-Ngõ 109-Trường Chinh-Thanh Xuân-HN

Lý do nộp: sửa chữa và thay thế

Số tiền: 19.800.000 đồng (Viết bằng chữ): Mười chín triệu tám trăm nghìn đồng chẵn.

Kèm theo: 1 chứng từ gốc

Ngày 17 tháng 8 năm 2012

Người lập phiếu (ký, họ tên)	Người nộp tiền (ký, họ tên)	Thủ quỹ (ký, họ tên)	Kế toán trưởng (ký, họ tên)	Giám đốc (ký, họ tên)
---------------------------------	--------------------------------	-------------------------	-----------------------------------	--------------------------

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):

+ Số tiền quy đổi:

(Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu)

Biểu số 2.4: Phiếu thu số 372

Ví dụ 3:

Ngày 20/8/2012, công ty TNHH xây dựng thương mại Phú Thịnh trả tiền cước vận chuyên xi măng bằng tiền mặt tổng cộng tiền thanh toán là 19.877.200 đồng theo HĐGTGT 0000321, kế toán lập phiếu thu số 379 (biểu số 2.6), vào sổ quỹ tiền mặt (biểu số 2.11), sổ nhật ký chung (biểu số 2.12), sổ cái TK 111 (biểu số 2.13).

<p>CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐẠI DƯƠNG Địa chỉ: Số 2A tổ 7- khu Cam Lộ 2- Hùng Vương- Hồng Bàng- Hải Phòng MST: 0200807520 Tel/Fax: 031.3522.137</p>																			
<p>HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 3: Nội bộ Ngày 20 tháng 8 năm 2012</p>					Mẫu số: 01GTKT3/001 Ký hiệu: AA/11T Số: 0000321														
Họ tên người mua hàng: Tên đơn vị: Công ty TNHH xây dựng thương mại Phú Thịnh Địa chỉ: Số 14, ngõ 354 đường Lê Quý Đôn- P. Gia Cẩm- Việt Trì- Phú Thọ Số tài khoản: Hình thức thanh toán: TM Mã số thuế:																			
<table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">6</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">4</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">4</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">5</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">4</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">4</td> <td style="width: 20px; text-align: center;"> </td> <td style="width: 20px; text-align: center;"> </td> <td style="width: 20px; text-align: center;"> </td> <td style="width: 20px; text-align: center;"> </td> </tr> </table>						2	6	0	0	4	4	5	2	4	4				
2	6	0	0	4	4	5	2	4	4										
Số TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền														
A	B	C	1	2	3=1x2														
1	Cước vận chuyển	Tấn	19	951.167,47	18.072.182														
Cộng tiền hàng:					18.070.182														
Thuế suất GTGT 10%					Tiền thuế GTGT: 1.807.018														
Tổng cộng tiền thanh toán:					19.877.200														
Số tiền viết bằng chữ: Mười chín triệu tám trăm bảy mươi bảy nghìn hai trăm đồng chẵn.																			
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)															

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Biểu số 2.5: Hóa đơn GTGT số 321

Đơn vị: Công ty
TNHH TM DV Đại
Dương
Địa chỉ:

PHIẾU THU
Số:379
Ngày 20 tháng 8 Năm 2012
Quyển số:13

Mẫu số: 01 – TT
(Ban hành theo QĐ
48/2006/QĐ- BTC ngày
14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

Họ tên người nộp tiền: Công ty TNHH xây dựng thương mại Phú Thịnh

Địa chỉ: Số 14, ngõ 354 đường Lê Quý Đôn-P.Gia Cẩm-Việt Trì- Phú Thọ

Lý do nộp: Cước vận chuyển xi măng

Số tiền: 19.877.200 đồng (Viết bằng chữ): Mười chín triệu tám trăm bảy mươi bảy nghìn hai trăm đồng chẵn.

Kèm theo: 1 chứng từ gốc.

Ngày 20 tháng 8 năm 2012

Người lập phiếu (ký, họ tên)	Người nộp tiền (ký, họ tên)	Thủ quỹ (ký, họ tên)	Kế toán trưởng (ký, họ tên)	Giám đốc (ký, họ tên)
---------------------------------	--------------------------------	-------------------------	-----------------------------------	--------------------------

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):

+Số tiền quy đổi:

(Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu)

Biểu số 2.6 Phiếu thu số 379

b, Kế toán chi tiền mặt:

Các nguồn chi chủ yếu của công ty:

- Chi mua vật tư, hàng hóa, nhiên liệu
- Chi trả nợ cho người bán và ngân hàng
- Chi các khoản nộp ngân sách nhà nước
- Chi các khoản chi khác

Khi phát sinh các nghiệp vụ chi tiền, thủ quỹ căn cứ vào phiếu chi để chi phần tiền sau khi có đầy đủ chữ ký kế toán trưởng và của giám đốc công ty. Căn cứ vào số tiền thực chi của thủ quỹ ghi vào sổ quỹ đến cuối ngày thì chuyển cho kế toán tiền mặt để ghi sổ.

Tháng 8 năm 2012 công ty TNHH thương mại dịch vụ Đại Dương có rất nhiều nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến các khoản chi. Sau đây là một số nghiệp vụ chủ yếu.

Ví dụ 4:

Ngày 1/8/2012, Nhập gas của công ty xăng dầu khu vực III với số tiền 612.742 đồng (thuế VAT 10%) theo hóa đơn GTGT số 0042707, kế toán lập phiếu chi số 311 (biểu số 2.8), vào sổ quỹ tiền mặt (biểu số 2.11), sổ nhật ký chung (biểu số 2.12), sổ cái TK 111 (biểu số 2.13).

TẬP ĐOÀN XĂNG DẦU VN CÔNG TY XD KHU VỰC III-TNHH MTV	HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (Liên 2: Giao người mua) Ngày 1 tháng 8 năm 2012	Mẫu số: 01GTKT2/002 Ký hiệu: AA/11P Số: 0042707
--	--	---

Đơn vị bán hàng: Công ty xăng dầu khu vực III- TNHH MTV MST: 0200120833

Địa chỉ: Số 1 Sở Dầu- P. Sở Dầu- Q.Hồng Bàng- Hải Phòng

Cửa hàng số:

Người mua hàng:

Đơn vị mua hàng: Công ty TNHH TMDV Đại Dương MST: 0200807520

Địa chỉ: Số 2A tổ 7-khu Cam Lộ 2-P.HV-HB-HP Phương thức thanh toán : TM

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Gas	Kg	2	306.371	612.742
				Cộng tiền hàng	612.742
				Tiền thuế GTGT (10%)	61.274
				Tiền phí khác	xxx
				Tổng số tiền thanh toán	674.016
Tổng số tiền thanh toán bằng chữ:		Sáu trăm bảy mươi bốn nghìn không trăm mười sáu đồng chẵn.			
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ, tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ, tên)			

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Biểu số 2.7: Hóa đơn GTGT số 004270

Đơn vị: Công ty TNHH TM
DV Đại Dương
Địa chỉ:

PHIẾU CHI

SỐ: 311
Ngày 1 Tháng 8 Năm 2012
Quyển số: 11

Mẫu số 02 – TT
(Ban hành theo QĐ số
48/2006/QĐ – BTC ngày
14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

Họ tên người nhận tiền: Công ty xăng dầu khu vực III

Địa chỉ: Số 1 Sở Dầu- P.Sở Dầu- Q.Hồng Bàng- Hải Phòng

Lý do chi: trả tiền nhập gas

Số tiền: 674.016 đồng (viết bằng chữ): Sáu trăm bảy mươi bốn nghìn không trăm mười sáu đồng chẵn.

Kèm theo: 1 chứng từ gốc.

Ngày 1 tháng 8 năm 2012

Người lập phiếu (ký, họ tên)	Người nhận tiền (ký, họ tên)	Thủ quỹ (ký, họ tên)	Kế toán trưởng (ký, họ tên)	Giám đốc (ký, họ tên)
------------------------------------	------------------------------------	-------------------------	--------------------------------	--------------------------

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):

+ Số tiền quy đổi:

(Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu)

Biểu số 2.8 Phiếu chi số 311

Ví dụ 5:

Ngày 13/8/2012, thanh toán tiền điện cho công ty TNHH MTV Điện Lực Hải Phòng bằng tiền mặt với số tiền là 2.022.292 đồng (đã bao gồm thuế VAT 10%), có HĐGTGT (liên 2) số 0251259. Kế toán lập phiếu chi số 342 (biểu số 2.10), vào sổ quỹ tiền mặt (biểu số 2.11), sổ nhật ký chung (biểu số 2.12), sổ cái TK 111 (biểu số 2.13).



HÓA ĐƠN GTGT (TIỀN ĐIỆN)

(Liên 2: Giao khách hàng)

Mẫu số: 01GTKT2/001

Ký hiệu: UA/12T

Số: 0251259

Từ ngày 14/07 đến ngày 13/8

Chi nhánh Công ty TNHH MTV Điện Lực HP

Địa chỉ: 45 Lê Đại Hành – Hải Phòng

Điện thoại: 031.2210206 MST: 0200340211-001 ĐT sửa chữa: 0312210244

Tên khách hàng:

Địa chỉ: Số 2A tổ 7 -khu Cam Lộ 2 -Hùng Vương -Hồng Bàng -HP

Điện thoại: 031.3522137

MST: 0200807520

Số C.ơ: 1348

Bộ CS	Chỉ số mới	Chỉ số cũ	Hệ số nhân	Điện TT	Đơn giá	Thành tiền
KT	12679	11306	1	1373	1.339	1.838.447
Ngày tháng năm Bên bán điện			Cộng	1373		1.838.447
			Thuế suất GTGT: 10%, Thuế GTGT			183.845
			Tổng cộng tiền thanh toán			2.022.292
Số tiền bằng chữ: Hai triệu không trăm hai mươi hai nghìn hai trăm chín mươi hai đồng.						

Biểu số 2.9: Hóa đơn GTGT số 0251259

Đơn vị: Công ty TNHH TM
DV Đại Dương
Địa chỉ:

PHIẾU CHI
Số: 342
Ngày 13 Tháng 8 Năm 2012
Quyển số: 12

Mẫu số 02 – TT
(Ban hành theo QĐ số
48/2006/QĐ – BTC ngày
14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

Họ tên người nhận tiền: Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Phòng

Địa chỉ: 45 Lê Đại Hành – Hải Phòng

Lý do chi: Thanh toán tiền điện

Số tiền: 2.022.292 đồng (viết bằng chữ): Hai triệu không trăm hai mươi hai nghìn hai trăm chín mươi hai nghìn đồng.

Kèm theo: 1 chứng từ gốc.

Ngày 13 tháng 8 năm 2012

Người lập phiếu
(ký, họ tên)

Người nhận tiền
(ký, họ tên)

Thủ quỹ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):

+ Số tiền quy đổi:

(Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu)

Biểu số 2.10: Phiếu chi số 342

Công ty TNHH thương mại dịch vụ Đại Dương

Mẫu số S05a – DNN
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ – BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ QUỸ TIỀN MẶT

Tài khoản: 111

Loại quỹ : Tiền mặt VN

Tháng 8/2012

NT GS	NTCT	SH Chứng từ		Diễn giải	Số tiền			Ghi chú
		Thu	Chi		Thu	Chi	Tồn	
A	B	C	D	E	1	2	3	G
				Số dư đầu tháng			421 745 225	
1/8	1/8		PC311	Nhập gas		674.016	421.071.209	
5/8	5/8		PC318	Nhập dầu DO		2.014.950	419.056.259	
11/8	11/8	PT350		Sửa chữa và thay thế	19.475.500		438.531.759	
13/8	13/8		PC342	Thanh toán tiền điện		2.022.292	436.509.467	
16/8	16/8	PT369		Cước vận chuyển	19.880.000		456.389.467	
17/8	17/8	PT372		Sửa chữa và thay thế	19.800.000		476.189.467	
20/8	20/8	PT379		Cước vận chuyển	19.877.200		496.066.667	
31/8	31/8		PC421	Thanh toán lương cho nhân viên		140.000.000	356.066.667	
							
				Cộng số phát sinh	1.148.251.800	1.107.205.099		
				Số dư cuối tháng			462.791.926	

Biểu số 2.11: Sổ quỹ tiền mặt

Công ty TNHH thương mại dịch vụ Đại Dương

Mẫu số: S03a – DNN
 (Ban hành theo QĐ số:48/2006/QĐ-BTC
 Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
 Năm 2012

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	Số hiệu tài khoản	Số tiền	
	SH	NT				Nợ	Có
						
1/8	PC311	1/8	Nhập gas		152 133 111	612.742 61.274	674.016
11/8	PT350	11/8	Sửa chữa và thay thế		111 511 3331	19.475.500	17.705.000 1.770.500
13/8	PC342	13/8	Thanh toán tiền điện		642 133 111	1.838.447 183.845	2.022.292
17/8	PT372	17/8	Sửa chữa và thay thế		111 511 3331	19.800.000	18.000.000 1.800.000
20/8	PT379	20/8	Cước vận chuyển		111 511 3331	19.877.200	18.070.182 1.807.018
31/8	PC421	31/8	Thanh toán lương nhân viên		334 111	140.000.000	140.000.000
						
			Cộng số phát sinh			197.839.440.469	197.839.440.469

Biểu số 2.12: Sổ nhật ký chung

Công ty TNHH thương mại dịch vụ Đại Dương

Mẫu số: S03b – DNN
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ - BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tháng 8 năm 2012

Tên tài khoản: tiền mặt

Số hiệu: 111

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu tháng		<u>421.745.225</u>	
1/8	PC311	1/8	Nhập gas	152 133		612.742 61.274
11/8	PT350	11/8	Sửa chữa và thay thế	511 3331	17.705.000 1.770.500	
13/8	PC342	13/8	Thanh toán tiền điện	642 133		1.838.447 183.845
17/8	PT372	17/8	Sửa chữa và thay thế	511 3331	18.000.000 1.800.000	
20/8	PT379	20/8	Cước vận chuyển	511 3331	18.070.182 1.807.018	
31/8	PC421	31/8	Thanh toán tiền lương nhân viên	334		140.000.000
					
			Cộng số phát sinh		1.148.251.800	1.107.205.099
			Số dư cuối tháng		<u>462.791.926</u>	

Biểu số 2.13: Sổ cái TK 111

2.2.2 Kế toán tiền gửi ngân hàng tại công ty

Tiền gửi ngân hàng là một bộ phận của vốn bằng tiền mà công ty ký gửi tại ngân hàng. Công ty phải gửi tất cả vốn bằng tiền vào ngân hàng (ngoài số tiền để lại công ty) việc rút gửi hoặc trích để chi trả bằng tiền gửi ngân hàng thì phải có chứng từ nộp lĩnh hoặc có chứng từ thanh toán thích hợp với các thể thức thanh toán và phương thức thanh toán không dùng tiền mặt được phản ánh vào TK112.

Đối với những công ty có những tổ chức, bộ phận trực thuộc có thể mở tài khoản chuyên thu, chuyên chi, mở tài khoản thanh toán phù hợp để thuận lợi cho việc giao dịch, thanh toán. Kế toán phải tổ chức kế toán chi tiết theo từng loại tiền gửi, từng ngân hàng, kho bạc, công ty tài chính để tiện cho việc kiểm tra đối chiếu.

Trong quá trình kinh doanh công ty gửi số tiền của mình vào ngân hàng để thực hiện nghiệp vụ thanh toán. Khi cần chi tiêu công ty phải làm thủ tục rút tiền hoặc chuyển tiền. Việc hạch toán TGNH được công ty mở sổ theo dõi chi tiết từng loại tiền gửi. Căn cứ để hạch toán tiền gửi ngân hàng là giấy báo có, giấy báo nợ hoặc bảng sao kê của ngân hàng kèm theo (ủy nhiệm chi, ủy nhiệm thu). Khi nhận các chứng từ của ngân hàng gửi đến, kế toán phải kiểm tra đối chiếu với chứng từ gốc kèm theo. Trường hợp có sự chênh lệch giữa số liệu trên sổ kế toán của đơn vị, số liệu ở chứng từ gốc với số liệu trên chứng từ của ngân hàng thì đơn vị phải thông báo cho ngân hàng để cùng đối chiếu xác minh và xử lý kịp thời. Nếu cuối tháng vẫn chưa xác định rõ nguyên nhân của chênh lệch thì kế toán ghi sổ theo số liệu trong giấy báo hay bảng sao kê của ngân hàng. Sang tháng sau phải tiếp tục kiểm tra, đối chiếu và tìm ra nguyên nhân chênh lệch để điều chỉnh số liệu ghi sổ.

- **Tài khoản sử dụng:**

Tài khoản để hạch toán tiền gửi ngân hàng là TK 112. Tài khoản này dùng để phản ánh tình hình hiện có, tình hình biến động tất cả các loại tiền của đơn vị gửi tại ngân hàng.

Công ty không phát sinh hoạt động về ngoại tệ hay vàng bạc, kim loại quý, đá quý.

- **Các chứng từ sử dụng:**

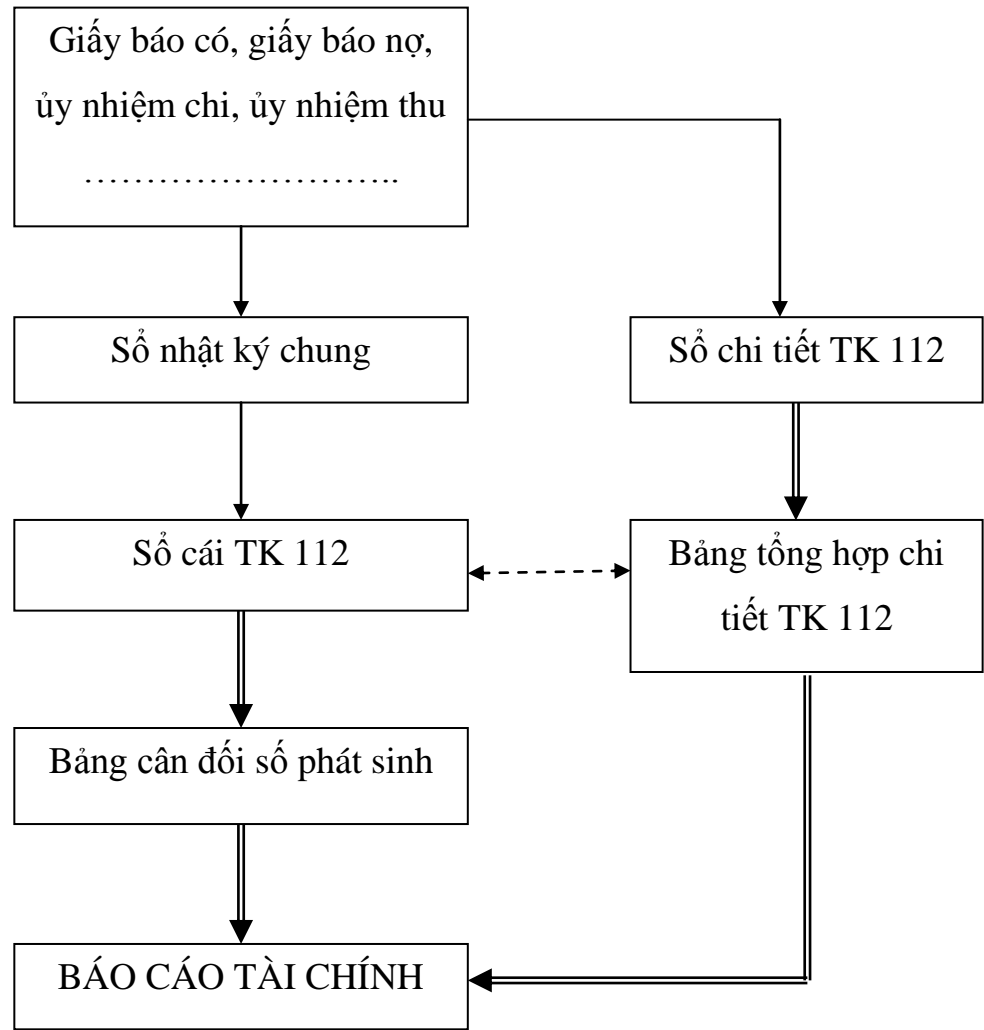
- Giấy báo có
- Giấy báo nợ
- Ủy nhiệm chi
- Ủy nhiệm thu
- Phiếu tính lãi

- **Sổ sách:**

- Sổ cái tài khoản 112
- Nhật ký chung
- Sổ hạch toán chi tiết

- Trình tự ghi sổ kế toán tiền gửi ngân hàng tại Công ty TNHH thương mại dịch vụ Đại Dương

Quy trình luân chuyển chứng từ kế toán tiền gửi ngân hàng tại công ty được thể hiện qua sơ đồ sau:



Sơ đồ 2.5: Quy trình luân chuyển chứng từ kế toán TGNH

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng: \Longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow

Hàng ngày căn cứ vào chứng từ gốc như giấy báo nợ, giấy báo có, sổ phụ tài khoản, giấy nộp tiền ... kế toán tiến hành ghi vào sổ nhật ký chung và đồng thời ghi sổ chi tiết TK 112. Từ nhật ký chung kế toán vào sổ cái TK 112, cuối tháng tổng hợp từ sổ chi tiết kế toán tiến hành ghi vào bảng tổng hợp chi tiết. Sau khi đối chiếu số liệu trên bảng tổng hợp chi tiết và sổ cái kế toán lập bảng cân đối số phát sinh sau đó lập báo cáo tài chính.

2.2.2.1 Kế toán tiền gửi Ngân hàng tại công ty:

Một số nghiệp vụ phát sinh trong tháng 8 năm 2012 liên quan đến tiền gửi ngân hàng.

Ví dụ 6:

Ngày 3/8/2012, Công ty TNHH thương mại dịch vụ Đại Dương trả tiền gốc và lãi cho ngân hàng đầu tư & phát triển Hải Phòng với số tiền là 202.583.334 đồng. Ngân hàng sẽ gửi cho công ty giấy báo nợ (biểu số 2.14), sau đó kế toán vào sổ tiền gửi ngân hàng (biểu số 2.20), sổ nhật ký chung (biểu số 2.18) và sổ cái TK 112 (biểu số 2.19).

321 – CN NGAN HANG DT&PT HAI PHONG

Ngày 3/08/2012
Thời gian: 03:35:38
Seq: 72***Chi tiết giao dịch***

Tên TK ghi nợ	:	CONG TY TNHH TM DV DAI DUONG
Ghi nợ tại khoản số	:	321-10 - 00- 040134-7
Not defined- 64128	:	202.583.334,00 (VNĐ)
Ghi chủ	:	THU NO
Chi nhanh giao dịch	:	321
4121	LN RPY BY TRF MN	03/08/2012 15:23:38 32156048


Teller

Kiểm soát viên

Biểu số 2.14: Giấy báo nợ số 72

Ví dụ 7:

Ngày 13/8/2012, Công ty TNHH thương mại dịch vụ Đại Dương trả lại tiền cho Phạm Quang Sáu do không thực hiện hợp đồng số 01082012 ký ngày 01/08/2012 với số tiền là 50.000.000 đồng, công ty xuất ủy nhiệm chi(biểu số 2.15), ngân hàng gửi giấy báo nợ số 67 (biểu số 2.16).

 BIDV MST: 0100150619004	ỦY NHIỆM CHI PAYMENT ORDER		Số/Seq No: 00080 Ngày/ Date: 1/08/2012	
	Số tiền/ Amount: 50.000.000 đ		Bảng chữ/ in words: Năm mươi triệu đồng Nội dung/ Remarks: Chuyển trả lại tiền do không thực hiện hợp đồng số 0182012 ký ngày 01/08/2012	
		Phí NH Charge <input type="checkbox"/> Phí trong Charge included <input type="checkbox"/> Phí ngoài Charge Excluded		
Đơn vị/ người yêu cầu: Công ty TNHH TMDV Đại Dương. Số TK/A/C No:32110000401347 Tại NH/ At bank: BIDV Hải Phòng		Đơn vị/ người hưởng: Phạm Quang Sáu BENEFICIARY Số CMT/ID/PP: 030694095 Ngày cấp/date:07/11/2000 Nơi cấp: HP Số TK/A/C No: Tại NT/ At bank: BIDV Hải Phòng		
Danh cho ngân hàng				
Kế toán trưởng Chief Account	Chủ tài khoản Account Holder	Ngân hàng gửi/ sending bank (BIDV)		Ngân hàng nhận/ receiving bank
		Giao dịch viên Received by	Kiểm soát Verified by	Giao dịch viên Received by
			Kiểm soát Verified by	

Biểu số 2.15: Ủy nhiệm chi số 80

321 – CN NGAN HANG DT&PT HAI PHONG

Ngày 13/08/2012
Thời gian: 15:11:53
Seq: 67***Chi tiết giao dịch***

Ten TK ghi no : CONG TY TNHH TM DV DAI DUONG
Ghi no tai khoan so : 321-10 - 00- 040134-7
Not defined- 62158 : 50.000.000,00 (VNĐ)
Ghi chu : THU NO
Chi nhanh giao dich :321
3661 LN RPY BY TRF MN 13/08/2012 16:23:38 28671081

Teller

Kiem soat vien

Biểu số 2.16: giấy báo nợ số 67

Nhiệm vụ 8:

Ngày 25/8, Công ty TNHH thương mại dịch vụ Đại Dương thu lãi tiền gửi của ngân hàng ACB với số tiền là 35.574 đồng, ngân hàng gửi giấy báo có 9029 (biểu số 2.17), kế toán vào sổ tiền gửi ngân hàng (biểu số 2.21), sổ nhật ký chung(biểu số 2.18), vào sổ cái TK 112 (biểu số 2.19)

Ngan hang A Chau

GIAY BAO CO

Ma GDV:

Chi nhánh : ACB

Ngày: 25-08-2012

Ma KH:

So GD:9029

Kính gửi: CTY TNHH TMDV ĐẠI DƯƠNG

Ma số thuế: 0200807520

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi CO tại khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi CO: 057588579

Số tiền bằng số: 35.574,00

Số tiền bằng chữ: BA MUOI NAM NGHIN NAM TRAM BAY MUOI BON DONG.

Nội dung: Lai tiền gửi.

Giao dịch viên

Kiểm soát

Biểu số 2.17: Giấy báo có số 9029

Công ty TNHH thương mại dịch vụ Đại Dương

Mẫu số: S03a – DNN
(Ban hành theo QĐ số:48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2012

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi SC	Số hiệu tài khoản	Số tiền	
	SH	NT				Nợ	Có
						
3/8	BC00072	3/8	Trả tiền gốc và lãi cho ngân hàng BIDV		311 635 112	200.000.000 2.583.334	202.583.334
6/8	BC00059	6/8	Trả tiền mua lốp xe		331 112	8.642.000	8.642.000
13/8	BC00067	13/8	Công ty Đại Dương trả lại tiền		131 112	50.000.000	50.000.000
25/8	BC9029	25/8	Lãi tiền gửi		112 515	35.574	35.574
29/8	BC00078	29/8	Thu nợ gốc và lãi		112 311	200.000.000	200.000.000
30/8	24082021	30/8	Nộp tiền vào tài khoản		112 111	200.000.000	200.000.000
						
			Cộng số phát sinh			197.839.440.469	197.839.440.469

Biểu số 2.18: Sổ nhật ký chung

Công ty TNHH thương mại dịch vụ Đại Dương

Mẫu số: S03b – DNN
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ - BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tháng 8/2012

TK: Tiền gửi ngân hàng

Số hiệu : 112

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu tháng		<u>82.764.132</u>	
3/8	BC00072	3/8	Trả tiền gốc+lãi cho ngân hàng BIDV	311 635		200.000.000 2.583.334
6/8	BC00059	6/8	Trả tiền mua lốp xe	331		8.642.000
13/8	BC00067	13/8	Công ty Đại Dương trả lại tiền	131		50.000.000
25/8	BC9029	25/8	Lãi tiền gửi	515	35.574	
29/8	BC00078	29/8	Thu nợ gốc và lãi	311	200.000.000	
30/8	24082021	30/8	Nộp tiền vào tài khoản	111	200.000.000	
			Cộng số phát sinh		2.468.276.357	2.542.542.535
			Số dư cuối tháng		<u>8.497.954</u>	

Biểu số 2.19: Sổ cái TK 112

Công ty TNHH thương mại dịch vụ Đại Dương

Mẫu số 06 – DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ – BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

Nơi mở tài khoản giao dịch: Ngân hàng đầu tư và phát triển Hải Phòng

Số hiệu tài khoản tại nơi gửi: 32111000401347

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền		
	SH	NT			Thu (gửi vào)	Chi (rút ra)	Còn lại
			Số dư đầu kỳ				<u>43.881.500</u>
1/8	BC00054	1/8	Trả tiền hàng	131	143.750.000		187.631.500
2/8	BC00055	2/8	Trả tiền cước vận chuyển	131	139.186.620		326.818.120
3/8	BC00072	3/8	Trả tiền gốc+ lãi cho ngân hàng BIDV	311 635		200.00.000 2.583.334	124.234.786
6/8	BC00059	6/8	Trả tiền mua lớp xe	331		8.642.000	115.592.786
8/8	BC00061	8/8	Trả sửa chữa	131	50.000.000		165.592.786
13/8	BC00067	15/8	Công ty Đại Dương trả lại tiền	131		50.000.000	115.592.786
20/8	BC9028	20/8	Rút tiền về quỹ	111		115.000.000	592.786
29/8	BC00078	29/8	Thu nợ gốc và lãi	311	200.000.000		200.592.786
						
			Cộng số phát sinh		1.369.540.586	1.408.211.453	
			Số dư cuối kỳ				<u>5.210.633</u>

Biểu số 2.20: Sổ tiền gửi ngân hàng BIDV

Công ty TNHH thương mại dịch vụ Đại Dương

Mẫu số 06 – DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ – BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

Nơi mở tài khoản giao dịch: Ngân hàng ACB Hải Phòng

Số hiệu tài khoản tại nơi gửi: 057588579

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền		
	SH	NT			Thu (gửi vào)	Chi (rút ra)	Còn lại
			Số dư đầu kỳ				<u>38.882.632</u>
9/8	24082014	9/8	Nộp tiền vào TK	111	51.000.000		89.882.632
15/8	BC00068	15/8	Thanh toán lãi vay	635		12.950.000	76.932.632
16/8	BC9027	16/8	Trả gốc vay	341		19.792.000	57.140632
25/8	BC9029	25/8	Lãi tiền gửi	515	35.574		57.176.206
30/8	24082021	30/8	Nộp tiền vào TK	111	200.000.000		257.176.206
31/8	BC00052	31/8	Rút tiền	111		20.000.000	237.176.206
						
			Cộng số phát sinh		1.098.735.771	1.134.331.082	
			Số dư cuối kỳ				<u>3.287.321</u>

Biểu số 2.21: Sổ tiền gửi ngân hàng ACB

Công ty TNHH thương mại dịch vụ Đại Dương

SỔ TỔNG HỢP CHI TIẾT TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

Tháng 8/ 2012

STT	Tên ngân hàng	Mã ngân hàng	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh		Số dư cuối kỳ	
			Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	BIDV		43.881.500		1.369.540.586	1.408.411.453	5.210.633	
2	ACB		38.882.632		1.098.735.771	1.134.331.082	3.287.321	
	Tổng cộng		82.764.132		2.468.276.357	2.542.542.535	8.497.954	

Biểu số 2.22: Sổ tổng hợp chi tiết tiền gửi ngân hàng

2.2.3 Kế toán tiền đang chuyển tại công ty TNHH thương mại dịch vụ Đại Dương.

Hiện nay công ty không phát sinh nghiệp vụ này.

CHƯƠNG III:**MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM GÓP PHẦN HOÀN THIỆN TỔ CHỨC
KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI
DỊCH VỤ ĐẠI DƯƠNG****3.1. Đánh giá chung về tình hình tổ chức quản lý, tổ chức kế toán tại công ty TNHH thương mại dịch vụ Đại Dương.**

Cùng với nhịp độ phát triển của đất nước, vận động trong cơ chế thị trường, qua nhiều năm hoạt động phát triển, đã không ngừng vươn lên tự khẳng định mình là một doanh nghiệp kinh doanh hoạt động có hiệu quả. Để đạt được những thành quả như những năm qua là nhờ công ty có định hướng đúng đắn trong chiến lược phát triển kinh doanh, coi thị trường là mục tiêu vươn tới, không ngừng thỏa mãn khách hàng, từng bước nâng cao trình độ đội ngũ lãnh đạo và quản lý, đồng thời quán triệt trong tổ chức quản lý tài chính. Đặc biệt là trong công tác hạch toán kế toán Công ty vận dụng một cách triệt để và không ngừng hoàn thiện. Việc đánh giá tình hình thực hiện hạch toán kế toán vốn bằng tiền và các nghiệp vụ thanh toán trong công ty là hết sức cần thiết, nó còn là một trong những căn cứ làm đòn bẩy cho đội ngũ kế toán Công ty thể hiện trình độ và năng lực chuyên môn của mình.

Trong nền kinh tế thị trường Công ty tham gia và hoạt động thương mại dịch vụ với tư cách là một chủ thể kinh tế, được pháp luật đảm bảo, luôn lấy chỉ tiêu lợi nhuận làm mục tiêu hàng đầu, nên sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp khác là không thể tránh khỏi. Đứng trước những thách thức đó bên cạnh việc nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, Công ty còn luôn phải tìm biện pháp hạch toán vốn bằng tiền, nhằm đạt hiệu quả cao nhất thúc đẩy hoạt động kinh doanh của công ty.

3.1.1 Ưu điểm về công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH thương mại dịch vụ Đại Dương.

❖ Về tổ chức bộ máy kế toán công ty:

Nhìn chung bộ máy kế toán của Công ty tổ chức phù hợp với yêu cầu quản lý và đặc điểm của Công ty. Riêng đối với phòng kế toán tổ chức bộ

máy kế toán là phù hợp, công ty là doanh nghiệp có nghiệp vụ kinh tế phát sinh nhiều, với đội ngũ kế toán có trình độ vững vàng, đồng đều, phòng kế toán của công ty luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Công tác tổ chức sắp xếp các nhân viên trong phòng là phù hợp với năng lực và trình độ chuyên môn của từng người.

Đối với phần hành kế toán vốn bằng tiền được bố trí một cách trình tự và hệ thống từ khi phát sinh nghiệp vụ cho đến khi kết thúc nghiệp vụ, thủ quỹ giữ tiền là một người, kế toán vào sổ vốn bằng tiền là một người, kế toán tổng hợp là một người do đó mà không có sự lạm dụng quỹ tiền mặt xảy ra, tạo điều kiện cho việc lưu chuyển vốn bằng tiền một cách nhanh chóng và hiệu quả, đồng thời tạo được niềm tin và các đối tác trực tiếp hay gián tiếp tham gia các hoạt động thương mại của công ty thể hiện qua các hình thức kế toán của Công ty.

❖ Về công tác kế toán vốn bằng tiền:

Công tác kế toán vốn bằng tiền là một khâu quan trọng trong công tác kế toán của công ty. Công ty đã có những biện pháp tốt trong việc tổ chức hạch toán quản lý và sử dụng vốn bằng tiền. Hàng ngày kế toán luôn cập nhật phản ánh đầy đủ các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến vốn bằng tiền của công ty thông qua các loại sổ sách. Định kỳ đều thực hiện kiểm kê quỹ điều chỉnh số liệu nhằm phát hiện sai sót và hạn chế những gian lận trong quá trình quản lý vốn. Bên cạnh đó kế toán luôn thường xuyên và có quan hệ tốt với Ngân hàng. Tập hợp theo dõi đầy đủ chứng từ và đối chiếu với Ngân hàng. Công ty luôn mở sổ theo dõi chi tiết tình hình biến động về tiền gửi theo từng Ngân hàng, mỗi Ngân hàng có một sổ theo dõi riêng giúp cho việc kiểm tra và quản lý thuận lợi và dễ dàng đảm bảo chính xác.

❖ Về hình thức kế toán:

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung là phù hợp. Đây là hình thức sổ kế toán đơn giản về quy trình hạch toán, giúp cho kế toán thuận tiện trong việc ghi chép, xử lý số liệu kế toán mà còn tiết kiệm được thời gian và công sức, tạo điều kiện cho việc cung cấp đầy đủ thông tin kịp thời.

❖ Về chứng từ kế toán sử dụng:

Công ty sử dụng đúng chứng từ theo Chế độ kế toán doanh nghiệp (Ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ – BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính). Chứng từ kế toán của công ty được lập rõ ràng, đầy đủ, kịp thời và chính xác theo nội dung của nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh, đúng theo số liên theo quy định. Chứng từ được lập sạch sẽ, không tẩy xóa, sửa chữa, chữ viết liên tục, có đủ chữ ký, dấu theo quy định.

Tất cả các chứng từ kế toán công ty được sắp xếp rất khoa học, gọn gàng, theo đúng nội dung kinh tế, theo đúng trình tự thời gian và được đảm bảo an toàn theo quy định của Nhà nước. Nhờ đó, việc tìm chứng từ luôn được nhanh chóng, chính xác, giúp cho các cơ quan thuế, cơ quan kiểm toán cũng như các cơ quan quản lý kiểm tra, kiểm soát được nhanh chóng, thuận tiện, dễ dàng, tiết kiệm thời gian.

❖ Về sổ sách và tài khoản kế toán sử dụng:

Sổ sách kế toán của công ty được lập rõ ràng, chính xác, theo mẫu hướng dẫn của Nhà nước. Không cứng nhắc theo các mẫu sổ kế toán được quy định, kế toán công ty còn sáng tạo, tìm tòi lập ra những sổ kế toán mới phù hợp với đặc điểm kinh doanh, tình hình thực tế, yêu cầu quản lý của công ty những vẫn tuân thủ theo đúng quy định, phản ánh đúng, chính xác, minh bạch nội dung kinh tế, tăng hiệu quả giám sát, quản lý và đối chiếu.

Công ty đã xây dựng hệ thống tài khoản khá chi tiết, cụ thể, phù hợp với đặc điểm của từng đối tượng hạch toán của công ty, tạo điều kiện vừa theo dõi tổng hợp, vừa theo dõi chi tiết các đối tượng hạch toán một cách chính xác. Hệ thống tài khoản áp dụng để theo dõi sự biến động của vốn bằng tiền hoàn toàn tuân thủ theo quy định của chế độ kế toán do Nhà nước ban hành và đã được chi tiết cho từng loại tiền.

❖ Về hệ thống báo cáo kế toán:

Công ty sử dụng đúng mẫu báo cáo kế toán do Nhà nước quy định danh cho Chế độ doanh nghiệp nhỏ và vừa (Ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ – BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính)

❖ Về phương thức thanh toán:

Công ty áp dụng hai phương thức thanh toán: tiền mặt và chuyển khoản.

❖ Về việc lập và thời gian lập báo cáo tài chính:

Công ty thực hiện theo đúng chế độ quy định (thường thì 6 tháng một lần). Các báo cáo tài chính được nộp cho cơ quan thuế, ngân hàng theo đúng thời gian quy định. Công ty còn lập báo cáo quản trị theo yêu cầu quản lý giúp cho ban giám đốc công ty có thể đưa ra những quyết định kịp thời, chính xác.

3.2.2 Những hạn chế:

Bên cạnh những ưu điểm trên công tác kế toán vốn bằng tiền của công ty có những mặt hạn chế làm ảnh hưởng đến năng suất và hiệu quả hoạt động kinh doanh. Vì vậy cần phân tích những mặt hạn chế đó để đưa ra biện pháp khắc phục giúp cho việc kinh doanh đạt hiệu quả cao hơn giúp cho ban lãnh đạo công ty quản lý và sử dụng vốn bằng tiền tiết kiệm và hiệu quả nhất. Sau đây là một số mặt hạn chế mà công ty cần khắc phục.

❖ Về tài khoản và sổ sách sử dụng:

Công ty không sử dụng tài khoản 113 – Tiền đang chuyển nên đôi khi không phản ánh đúng tình hình tăng giảm của vốn bằng tiền.

❖ Về hình thức ghi sổ:

Hiện nay công ty đang áp dụng ghi sổ theo hình thức nhật ký chung. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến tiền mặt và tiền gửi Ngân hàng ngày càng nhiều khiến cho sổ nhật ký chung dày đặc mà chưa mở sổ nhật ký đặc biệt như nhật ký thu tiền, nhật ký chi tiền. Vì vậy khiến cho việc theo dõi gặp nhiều khó khăn. Đây là hạn chế cần khắc phục.

❖ Về việc sử dụng tiền thanh toán lương:

Việc thanh toán thông qua hệ thống ngân hàng chưa được tận dụng một cách triệt để, đồng thời Công ty vẫn sử dụng nhiều tiền mặt trong thanh toán, việc sử dụng nhiều tiền mặt trong thanh toán sẽ làm cho Công ty gặp nhiều rủi ro có thể xảy ra như: tiền giả, mất mát trong quá trình bảo quản, không hiệu quả trong quá trình thanh toán....

❖ Về tổ chức bộ máy kế toán:

Trình độ tổ chức quản lý của Công ty chưa theo kịp yêu cầu thị trường nên khó khai thác đúng mức tiềm năng của ngành và việc sắp xếp bố trí các nhân viên trong phòng chưa hợp lý. Trình độ của công nhân chưa cao, chưa đào tạo chuyên sâu. Đồng thời trình độ học vấn ban đầu của người lao động còn thấp nên tiếp thu khoa học kỹ thuật mới còn hạn chế thiếu sáng tạo. Điều này gây thiệt hại cho Công ty cả về kinh tế và uy tín với khách hàng.

❖ Về việc ứng dụng máy tính:

Công ty chưa đưa phần mềm kế toán vào sử dụng mặc dù phòng kế toán được trang bị máy tính đầy đủ. Nhưng chỉ dừng lại trên Excel không sử dụng phần mềm kế toán. Vì vậy việc sử dụng phần mềm kế toán là rất cần thiết. Sử dụng phần mềm sẽ tiết kiệm được thời gian công sức lao động đem lại hiệu quả làm việc cao. Giảm tải được khối lượng công việc nhất là vào thời kỳ kế toán khối lượng công việc tương đối lớn. Do vậy sử dụng phần mềm kế toán sẽ giảm nhẹ được áp lực công việc cũng như thời gian làm việc cho kế toán.

3.3 Một số ý kiến nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH thương mại dịch vụ Đại Dương.

Với bất kỳ nghiệp nào lợi nhuận luôn là mục tiêu hàng đầu vì vậy cần đề ra những biện pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh. Giúp cho doanh nghiệp nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường và khẳng định vị thế của mình trong nền kinh tế biến động như hiện nay. Trong việc nâng cao hiệu quả kinh doanh thì việc nâng cao sử dụng vốn bằng tiền là một yêu cầu đặt ra đòi hỏi các nhà quản lý cần phải quan tâm. Việc nâng cao sử dụng vốn bằng tiền đòi hỏi doanh nghiệp vẫn phải chấp hành tuân thủ các chế độ kế toán hiện hành và phải phù hợp với đặc điểm kinh doanh của công ty.

❖ Hoàn thiện việc đưa tài khoản 113 – Tiền đang chuyển vào hạch toán:

Công ty không sử dụng tài khoản 1113 vào hạch toán. Đây là tài khoản tiền của doanh nghiệp đã nộp vào Ngân hàng, kho bạc Nhà nước, đã gửi bưu điện để chuyển cho Ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo Có,

trả cho đơn vị khác hay làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản tại Ngân hàng để trả cho đơn vị khác nhưng chưa nhận được giấy báo Nợ hay bản sao kê của Ngân hàng. Do không sử dụng tài khoản 113 vào hạch toán nên công ty thường phải chờ một vài ngày sau khi việc chuyển tiền hoàn thành rồi mới hạch toán. Vì vậy việc phản ánh số dư công nợ trên báo cáo tài chính là không chính xác. Việc đưa tài khoản 113 vào hạch toán là rất cần thiết.

Kết cấu tài khoản 113:

+ Bên Nợ:

Các tài khoản tiền mặt hoặc séc bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ đã nộp vào Ngân hàng hoặc gửi bưu điện để chuyển vào Ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo Có.

Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ đang chuyển cuối kỳ.

+ Bên Có:

Số kết chuyển vào Tài khoản 112 – Tiền gửi Ngân hàng hoặc tài khoản có liên quan.

Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tiền đang chuyển cuối kỳ.

+ Số dư bên Nợ:

Các khoản tiền còn đang chuyển cuối kỳ.

❖ Hoàn thiện về hệ thống sổ sách:

Công ty nên thêm mẫu sổ giúp cho việc ghi chép được rõ ràng và thuận tiện cho việc đối chiếu và kiểm tra. Công ty nên thêm sổ nhật ký thu tiền và nhật ký chi tiền. Trước kia tất cả các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ đều ghi vào sổ nhật ký chung làm cho sổ nhật ký chung dày đặc rất khó cho việc theo dõi. Nhưng với việc đưa thêm sổ nhật ký thu tiền và nhật ký chi tiền thì các nghiệp vụ về thu, chi tiền mặt sẽ được ghi sổ riêng mà không cần ghi vào sổ nhật ký chung nữa. Cuối tháng kế toán sẽ tổng hợp từ sổ nhật ký đặc biệt để ghi vào sổ cái.

Sau đây là mẫu sổ nhật ký thu tiền và nhật ký chi tiền.

Công ty TNHH thương mại dịch vụ Đại Dương

Mẫu số: S03a1 – DNN
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ – BTC
 Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ THU TIỀN

Năm 2012

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	Ghi Nợ TK111	Ghi Có các tài khoản				
	SH	NT			511	3331	112	Tài khoản khác	
								Số tiền	Số hiệu
A	B	C	D	1	2	3	4	5	E
			Số trang trước chuyển sang						
2/8	BC00056	2/8	Rút tiền	300.000.000			300.000.000		
11/8	PT350	11/8	Sửa chữa và thay thế	19.475.500	17.705.000	1.770.500			
20/8	PT379	20/8	Cước vận chuyển	19.877.200	18.070.182	1.807.018			
27/8	BC00075	27/8	Rút tiền	30.000.000			30.000.000		
31/8	PT420	31/8	Cước vận chuyển	5.131.500	4.665.000	466.500			
								
			Cộng chuyển sang trang sau	973.351.800	140.319.819	14.031.981	819.000.000		

Biểu số 3.1: Nhật ký thu tiền TK 111

Công ty TNHH thương mại dịch vụ Đại Dương

Mẫu số: S03a2 – DNN
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ – BTC
 Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHI TIỀN
 Năm 2012

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	Ghi Có TK 111	Ghi Nợ các tài khoản				
	SH	NT			152	133	334	Tài khoản khác	
								Số tiền	Số hiệu
			Số trang trước chuyển sang						
1/8	PC311	1/8	Nhập dầu Điêzen	19.894.500	18.085.909	1.808.591			
5/8	PC318	5/8	Nhập dầu DO	2.014.950	1.831.773	183.177			
28/8	PC411	28/8	Nhập gas hóa lỏng	824.016	749.105	74.911			
31/8	PC421	31/8	Thanh toán lương CNV	140.000.000			140.000.000		
								
			Cộng chuyển sang trang sau	194.493.014	49.539.507	4.953.951	140.000.000		

Biểu số 3.2: Nhật ký chi tiền TK 111

Công ty TNHH thương mại dịch vụ Đại Dương

Mẫu số: S03a1 – DNN
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ – BTC
 Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ THU TIỀN

Năm 2012

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	Ghi nợ TK 112	Ghi có các tài khoản				
	SH	NT			515	311	111	Tài khoản khác	
								Số tiền	Số hiệu
			Số trang trước chuyển sang						
2/8	24082013	2/8	Nộp tiền vào TK	150.000.000			150.000.000		
25/8	BC9029	25/8	Lãi tiền gửi	35.574	35.574				
29/8	BC00078	29/8	Thu nợ gốc+ lãi	200.000.000		200.000.000			
30/8	24082021	30/8	Nộp tiền vào TK	200.000.000			200.000.000		
								
			Cộng chuyển sang trang sau	550.035.574	35.574	200.000.000	350.000.000		

Biểu số 3.3: Nhật ký thu tiền TK 112

Công ty TNHH thương mại dịch vụ Đại Dương

Mẫu số: S03a2 – DNN
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ – BTC
 Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHI TIỀN

Năm 2012

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	Ghi có TK 112	Ghi nợ các tài khoản					
	SH	NT			311	635	331	131	TK khác	
									ST	SH
			Số trang trước chuyển sang							
									
3/8	BC00072	3/8	Trả tiền gốc+lãi NH	202.583.334	200.000.000	2.583.334				
6/8	BC00059	6/8	Trả tiền mua lốp xe	8.642.000`			8.642.000			
13/8	BC00067	13/8	CT Đại Dương trả tiền	50.000.000				50.000.000		
									
			Cộng chuyển sang trang sau	261.225.334	200.000.000	2.583.334	8.642.000	50.000.000		

Biểu số 3.4: Nhật ký chi tiền TK 112

❖ Hoàn thiện việc sử dụng tiền trong thanh toán:

Việc sử dụng tiền trong thanh toán, kế toán nên sử dụng thông qua hệ thống Ngân hàng và sử dụng một cách triệt để bởi việc thanh toán các khoản tiền lớn qua Ngân hàng có các ưu điểm sau:

- Hiện nay hệ thống Ngân hàng phát triển trên toàn quốc, không chỉ các Ngân hàng Nhà nước mà còn có các Ngân hàng tư nhân. Với công nghệ hiện đại tiên tiến, việc chuyển tiền giữa các ngân hàng rất nhanh chóng và thuận lợi. Hơn nữa các doanh nghiệp đều mở tài khoản tại các Ngân hàng.

- Thanh toán qua các Ngân hàng sẽ đảm bảo an toàn cho quỹ tiền mặt, an toàn cho đồng tiền trong quá trình vận chuyển, tránh xảy ra mất cắp, gian lận, sai sót trong quá trình hạch toán.

- Mặt khác lượng tiền gửi Ngân hàng còn đảm bảo khả năng sinh lời của tiền.

❖ Hoàn thiện tổ chức bộ máy kế toán:

Hiện nay trong nền kinh tế thị trường, các doanh nghiệp lao vào cuộc cạnh tranh nhau để chứng tỏ mình là một doanh nghiệp có tiềm năng nhằm thu hút vốn đầu tư tạo ra lợi nhuận cao nhất. Muốn làm được điều này, thì các nhà quản lý cần phải có chiến lược cạnh tranh, nghiên cứu thị trường để khai thác một cách có hiệu quả nhất để đạt được lợi nhuận trong kinh doanh. Một biện pháp quan trọng đó là nâng cao công tác kế toán. Tại Công ty, ban lãnh đạo Công ty cần chú trọng tới vấn đề này. Phòng kế toán cần chú trọng công tác đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ cho các cán bộ kế toán, tất cả các cán bộ đều phải có trình độ đại học. Đó là điều kiện hết sức thuận lợi. Đồng thời ban lãnh đạo Công ty phải phân công, phân nhiệm rõ ràng cho từng người để tạo lên bộ máy hoàn chỉnh. Phòng kế toán sẽ làm việc ăn khớp nhịp nhàng, có hiệu quả, cung cấp số liệu cụ thể, chính xác, chi tiết và tổng hợp cho những nhà quản lý một cách đầy đủ, kịp thời nhằm thực hiện tốt nhất công tác kế toán nói chung và công tác kế toán vốn bằng tiền nói riêng.

Công ty phải quan tâm hơn nữa đến việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiệp vụ của cán bộ công nhân viên trong toàn Công ty nói chung

và phòng kế toán nói riêng nhằm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của kế toán trong giai đoạn mới bằng cách gửi nhân viên đi học các lớp đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ mở rộng tầm hiểu biết đáp ứng kịp thời những thay đổi của chế độ kế toán hiện hành. Nhờ đó, Công ty sẽ tạo được một đội ngũ kế toán có năng lực, trình độ, kinh nghiệm, làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, yêu nghề.

❖ Hoàn thiện về việc ứng dụng phần mềm kế toán:

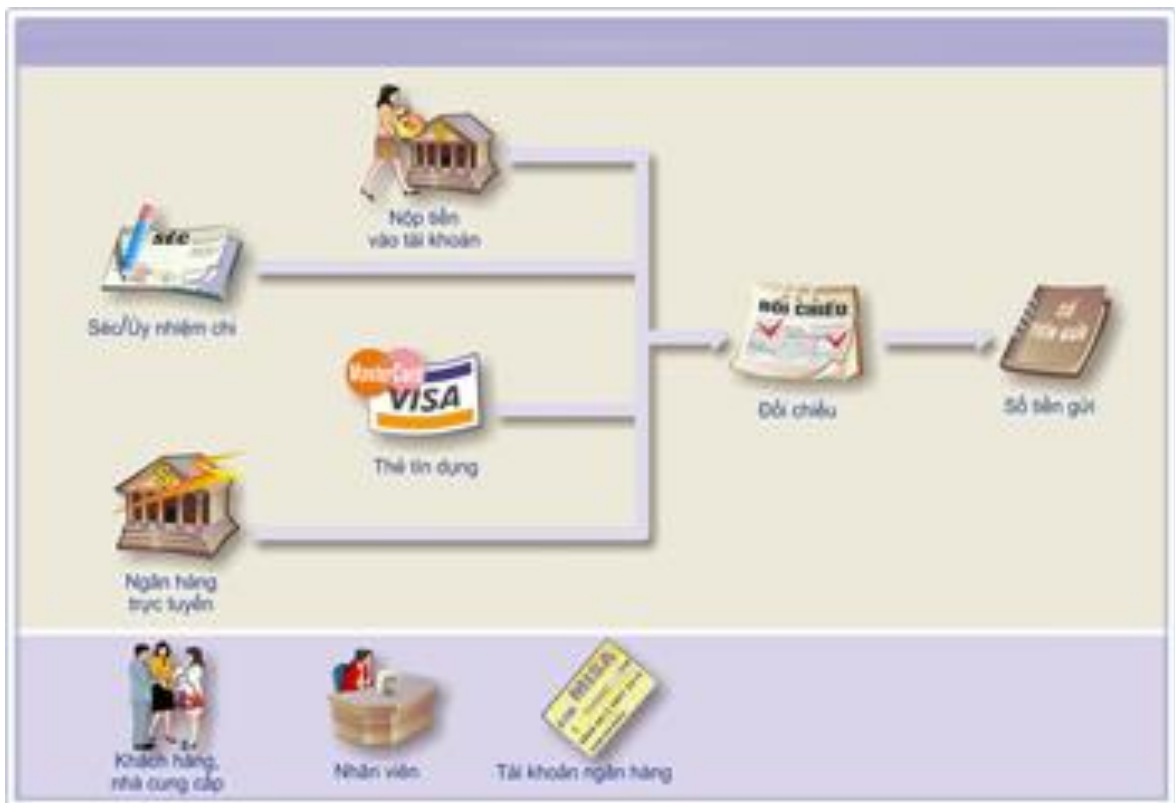
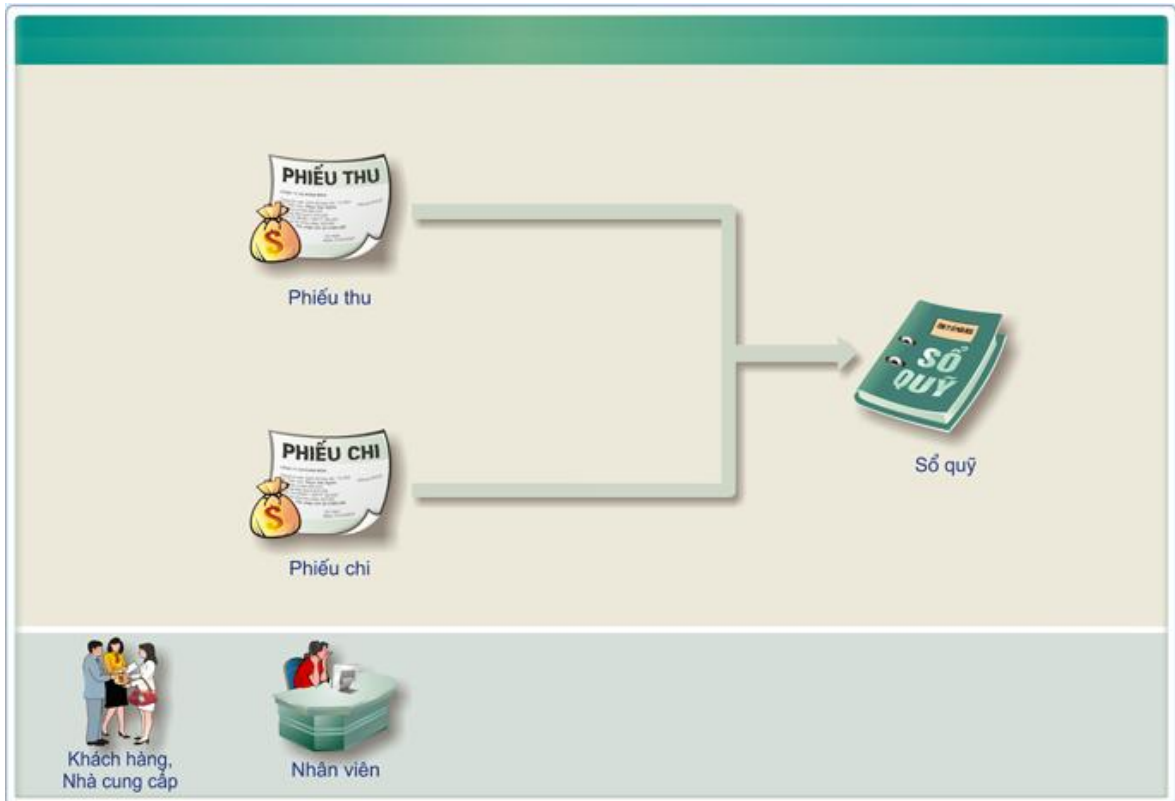
Nếu như trước đây khi kế toán viên cộng sổ kế toán sai thì toàn bộ các báo cáo tài chính quản trị có liên quan đều phải được lập lại từ đầu và thời gian tiêu tốn cho việc này có thể mất vài ngày thậm chí tới vài tuần để hoàn thành thì nay với sự hỗ trợ của phần mềm kế toán, người sử dụng có thể giảm tối đa thời gian lãng phí vào việc chỉnh sửa dữ liệu, sổ sách, báo cáo từ vài ngày xuống còn vài phút. Mặt khác công tác kế toán thủ công đòi hỏi cần nhiều nhân sự làm kế toán trong khi phần mềm kế toán do tự động hóa hoàn toàn các công đoạn tính toán, lưu trữ, tìm kiếm và in xuất báo cáo nên tiết kiệm được nhân sự và thời gian, chính điều này đã góp phần tiết kiệm chi phí cho doanh nghiệp.

Với quy mô của công ty TNHH thương mại dịch vụ Đại Dương như hiện nay thì nên sử dụng phần mềm kế toán MISA. Em xin giới thiệu phần mềm MISA SME.NET 2012 được phát triển trên nền tảng .NET của Microsoft giúp tiết kiệm chi phí đầu tư và dễ dàng sử dụng. MISA SME.NET 2012 gồm 13 phân hệ là ngân sách, quỹ, ngân hàng, mua hàng, bán hàng, kho, tài sản cố định, tiền lương, giá thành, thuế, hợp đồng, cổ đông và tổng hợp. Với những tính năng nổi bật như lập dự toán ngân sách và kiểm soát chi tiêu, phân tích tài chính, tính giá thành theo nhiều phương pháp, in báo cáo thuế kèm theo mã vạch, thanh toán ngân hàng trực tuyến, quản lý cổ đông, tự động cập nhật qua internet... chương trình này được thiết kế dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, với mục tiêu giúp doanh nghiệp không cần đầu tư nhiều chi phí, không cần hiểu biết nhiều về tin học và kế toán mà vẫn có thể sở hữu và làm chủ được hệ thống phần mềm kế toán, quản lý mọi nghiệp vụ phát sinh

của mình. Với MISA SME.NET 2012 doanh nghiệp có thể kiểm soát được số liệu trực tuyến tại bất cứ nơi đâu, bất cứ khi nào thông qua internet

Sau đây là giao diện làm việc của MISA SME.NET 2012:





Ngoài ra, MISA SME.NET 2012 cho phép công ty có nhiều chi nhánh, công ty con cùng nhập dữ liệu, hạch toán đồng thời trên một tệp dữ liệu đặt trên Internet hoặc mạng WAN dùng riêng mà vẫn bảo đảm tính độc lập, công tác an ninh, an toàn và tốc độ. Đặc biệt, MISA SME.NET 2012 hỗ trợ doanh nghiệp tạo mẫu, phát hành, in, quản lý và sử dụng hóa đơn theo Nghị định 51/2010/NĐ-CP.

MISA SME.NET 2012 được phát hành gồm 3 lựa chọn:

- + Bản Standard với 7 phân hệ có giá 6.450.000 đ
- + Bản Professional với 9 phân hệ có giá 7.450.000 đ
- + Bản Enterprise đầy đủ 13 phân hệ có giá 9.950.000 đ

Vì vậy công ty có thể áp dụng phần mềm kế toán như em vừa giới thiệu là rất phù hợp.

KẾT LUẬN

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, vốn bằng tiền đóng vai trò quan trọng không thể phủ nhận được đối với doanh nghiệp. Vấn đề hoàn thiện và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn là yêu cầu số một và ngày càng trở nên bức thiết, trong đó công tác kế toán đóng vai trò rất quan trọng. Công tác kế toán vốn bằng tiền có tốt thì doanh nghiệp mới quản lý được nguồn vốn của mình và từ đó phát triển và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Ban lãnh đạo công ty TNHH thương mại dịch vụ Đại Dương luôn ý thức được tầm quan trọng của công tác kế toán vốn bằng tiền với sự cố gắng của mình, Công ty đang từng bước hoàn thiện nâng cao hiệu quả sử dụng vốn thông qua công tác kế toán.

“Hoàn thiện tổ chức kế toán vốn bằng tiền” là một đề tài rất có ý nghĩa cả về thực tiễn lẫn lý luận. Với sự vận dụng vào tình hình thực tế tại Công ty TNHH thương mại dịch vụ Đại Dương, em đã trình bày về thực trạng tổ chức hạch toán kế toán vốn bằng tiền của Công ty và đưa ra một số ý kiến nhằm hoàn thiện tổ chức hạch toán kế toán vốn bằng tiền tại Công ty.

Qua thời gian thực tập tại công ty, với kiến thức và sự hiểu biết đã được học tại trường, được sự giúp đỡ, hướng dẫn của Ban lãnh đạo trường Đại học Dân lập Hải Phòng, được sự chỉ bảo tận tình của thầy cô giáo trong trường, đặc biệt được sự giúp đỡ nhiệt tình của Ths. Phạm Văn Tường – Giảng viên hướng dẫn, cùng với cán bộ kế toán, nhân viên công ty TNHH thương mại dịch vụ Đại Dương, em đã vận dụng lý thuyết, tìm hiểu thực tế công tác kế toán tại công ty, học tập thêm những bài học và kinh nghiệm làm việc quý báu.

Em xin gửi lời cảm ơn sâu sắc tới các thầy cô giáo khoa Quản trị kinh doanh nói chung và ngành Kế toán – Kiểm toán trường Đại học Dân lập Hải Phòng nói riêng, cũng như xin gửi lời cảm ơn đến thầy Phạm Văn Tường đã tận tình chỉ bảo và cảm ơn tới các cán bộ kế toán của công ty TNHH thương mại dịch vụ Đại Dương đã giúp đỡ em hoàn thành đợt thực tập cũng như bài khóa luận này.

Do thời gian thực tập có hạn và trình độ hiểu biết còn hạn chế nên bài khóa luận này còn nhiều thiếu sót. Vì vậy, em rất mong được sự chỉ bảo, góp ý của các thầy cô giáo, cán bộ kế toán công ty cũng như các bạn sinh viên trong toàn khoa để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn, em được học hỏi nhiều hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!